**BÀI 3: NHẬT KÍ, PHÓNG SỰ, HỒI KÍ**

**Tiết…: Nhật kí Đặng Thùy Trâm**

**(Trích)**

**-Đặng Thùy Trâm-**

|  |
| --- |
| **GIÁO VIÊN THAM GIA SOẠN** |
| 1. Lê Thị Hồng Thanh, THPT Lưu Hữu Phước, Cần Thơ |
| 2. Đinh Trung Kiên, Trường THPT Minh Quang, Hà Nội |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

**-** Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của nhật ký, phóng sự, hồi ký như tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật: miêu tả, trần thuật, sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng, thông điệp của tác phẩm.

- Đánh giá được tác động của tác phẩm với người đọc và xã hội.

- Phân biệt và biết cách sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong giao tiếp.

- Viết được bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí.

- Biết thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí.

**2. Về năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.

**- Năng lực đặc thù:** Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học: Vận dụng được hiểu biết về bối cảnh lịch sử, văn hóa, về tác giả và thể loại vào việc đọc hiểu tác phẩm, đoạn trích; Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm của Đặng Thùy Trâm, qua đó thấy được vẻ đẹp con người và cuộc sống, những đóng góp của liệt sĩ Đặng Thùy Trâm cho độc lập dân tộc.

**3. Về phẩm chất**:

Yêu nước và nhân ái: Kính trọng và biết ơn những người có công với đất nước; sống nhân ái, có lí tưởng, ý thức sâu sắc về chủ quyền quốc gia, về tương lai của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a.** **Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập, xác định nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung**: GV trình chiếu video tư liệu về đề tài chiến tranh chống Mỹ.

**c. Sản phẩm**: Học sinh suy nghĩ, trả lời.

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV chiếu video tư liệu về đề tài chiến tranh chống Mỹ.

<https://www.youtube.com/watch?v=CmcGbBucdTo>

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS xem video tư liệu để chuẩn bị nêu suy nghĩ.

**B3: Báo cáo, thảo luận:** Học sinh nêu suy nghĩ, cảm nhận bản thân về video.

**B4: Kết luận, nhận định**

Mặc dù chiến tranh đã đi qua gần 40 năm lịch sử thế nhưng những câu chuyện về đề tài chiến tranh, về đề tài người lính vẫn luôn khiến chúng ta không khỏi bồi hồi xúc động khi được nghe đến. Các câu chuyện đó đã được thể hiện trong các tác phẩm văn học viết về cuộc kháng chiến chống Mỹ đã được học:truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi,* thơ *Tiểu đội xe không kính,* truyện ngắn *Giang,* truyện kí *Vào chùa gặp lại,…* Và trong các câu chuyện đó không thể không nhắc đến câu chuyện về liệt sĩ, bác sĩ Đặng Thùy Trâm, một nữ bác sĩ đã không tiếc tuổi thanh xuân cống hiến hết mình vì độc lập tự do của tổ quốc được thể hiện qua thể loại kí. Đoạn trích trong SGK là một phần của cuốn nhật kí do bác sĩ Đặng Thùy Trâm để lại trước lúc hi sinh. Chúng ta cùng tìm hiểu văn bản để hiểu rõ hơn về thể loại kí và cuộc đời, lý tưởng sống cao đẹp của liệt sĩ, bác sĩ Đặng Thùy Trâm.

**TIẾT …..: TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN VÀ NHẬT KÍ ĐẶNG THÙY TRÂM**

**1. TRƯỚC GIỜ HỌC HS chuẩn bị ở nhà (NL tự học)**

Trước giờ học, GV yêu cầu HS thực hiện theo các hướng dẫn sau:

Câu 1: Trình bày những hiểu biết của bản thân về thể loại nhật kí, phóng sự, hồi kí.

Câu 2: Tìm hiểu những thông tin về tác giả Đặng Thùy Trâm.

Câu 3: Tìm hiểu những thông tin về tác phẩm Nhật kí Đặng Thùy Trâm (Bối cảnh ra đời, nội dung....).

Câu 4: Đoạn trích chia thành mấy phần, nội dung từng phần.

Câu 5: Tìm hiểu các yếu tố nghệ thuật trong văn bản.

**2. TRÊN LỚP**

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**: Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của nhật ký, phóng sư, hồi ký như tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật: miêu tả, trần thuật, sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng, thông điệp của tác phẩm.

**b. Nội dung**:

- Tìm hiểu kiến thức Ngữ văn, giúp học sinh tìm hiểu về thể loại nhật kí, phóng sự, hồi kí.

- Tìm hiểu tác giả, hoàn cảnh ra đời tác phẩm.

- Tìm hiểu nội dung, nghệ thuật văn bản.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS, Phiếu học tập

**d. Tổ chức thực hiện**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức ngữ văn**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi

? Nêu những hiểu biết của em về thể loại nhật kí, phóng sự, hồi kí.

?Xác định tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật trong nhật kí, phóng sự, hồi kí.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS đọc SGK, gạch chân nội dung kiến thức để trả lời câu hỏi.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV mời 1HS trả lời câu hỏi.

- GV mời các HS khác nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. Sau đây là gợi ý:

1. **Thể loại nhật kí, phóng sự, hồi kí.**

**a. Nhật kí**

- Nhật kí ghi chép theo thứ tự ngày, tháng về những sự kiện của đời sống mà tác giả là người trực tiếp tham gia hay chứng kiến, thường bộc lộ suy nghĩ, thái độ và đánh giá của người viết về con người, cuộc đời và chính bản thân mình.

**b. Phóng sự**

- Phóng sự ghi chép kịp thời, cụ thể những sự việc, con người nhằm làm sáng tỏ trước công luận về vấn đề đặt ra từ bài viết. Vấn đề đó thường liên quan đến hoạt động và số phận của một hoặc nhiều người, có ý nghĩa thời sự đối với xã hội.

**c. Hồi kí**

- Hồi kí ghi lại những sự kiện đã xảy ra trong quá khứ mà tác giả là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến. Dù là những ghi chép cá nhân nhưng hồi kí cần bảo đảm tính khách quan, chính xác về sự kiện, nhân vật, thời gian, địa điểm…

**d. Tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật trong nhật kí, phóng sự, hồi kí.**

- Với nhiệm vụ ghi chép những sự kiện xác thực của đời sống cả nhật kí, phóng sự và hồi kí đều có sự kết hợp giữa tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật như miêu tả, trần thuật… Cùng với đó là những sự kiện có thực mà người viết trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến.

**Hoạt động 2: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà theo nhóm đã chia trước. Mỗi nhóm sẽ thực hiện một video clip/ bài thuyết trình, PPT thuyết trình về tác giả - tác phẩm.

- GV mời một nhóm bất kì lên trình bày sản phẩm khi tìm hiểu nội dung học tập trên lớp.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đại diện một nhóm lên trình bày kết quả học tập của nhóm

- Các nhóm còn lại xem/ lắng nghe và ghi nhận lại nội dung để nhận xét/chia sẻ.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

Các nhóm nhận xét, chia sẻ nội dung bài học sau khi nghe báo cáo.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. Gợi ý sản phẩm học tập

**1. Tác giả**

Đặng Thùy Trâm sinh năm 1942 trong một gia đình trí thức ở Hà Nội. Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội năm 1966, chị xung phong vào công tác chiến trường miền Nam trong những năm tháng khốc liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được phân công phụ trách một bệnh viện ở huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi để điều trị cho các thương binh. Ngày 22/6/1970 trong một chuyến đi công tác chị bị địch phục kích và anh dũng hi sinh khi tuổi đời chưa đầy 28 tuổi.

**2. Tác phẩm**

Cuốn sách “Nhật kí Đặng Thùy Trâm” là cuốn nhật kí ghi lại những ngày tháng của tác giả trong những năm tháng chiến dấu ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Khi tác giả hi sinh cuốn nhật kí của chị đã bị những người lính Mỹ lấy đi sau đó được trao trả lại gia đình vào tháng 4/2005. Cuốn nhật kí được nhà xuất bản Hội nhà văn biên tập lại thành sách và cho ra mắt ngày 27/7/2005.

**Hoạt động 3: Tìm hiểu bố cục văn bản và những sự kiện đời sống của tác giả trong văn bản.**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

HS thực hiện ở nhà. Tìm hiểu các sự kiện đời sống của tác giả theo biểu bảng sau:

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Sự kiện** | **Suy nghĩ của tác giả** | **Nhận xét về chủ thể**  **trần thuật** |
| 20/7/1968 |  |  |  |
| 1/1/1970 |  |  |  |
| 19/5/1970. |  |  |  |

Trên lớp: Học sinh thảo luận nhóm nhỏ, thời gian trong 5 phút, thực hiện yêu cầu:

- Văn bản được chia thành mấy phần và nội dung từng phần.

- Sử dụng phiếu học tập số 1, chia sẻ những nội dung đã thực hiện ở nhà để hoàn chỉnh phiếu học tập của nhóm

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

- HS làm việc theo nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- GV yêu cầu đại diện một nhóm trình bày, các nhóm còn lại lắng nghe, ghi nhận kiến thức bài học để chia sẻ, đanh giá lẫn nhau**.**

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức. sau đây là gợi ý

1. **Bố cục văn bản.**

- Văn bản được chia làm 3 phần

Phần 1: Những công việc hằng ngày vô cùng bận rộn, khó khăn, vất vả, của một nữ bác sĩ trong hoàn cảnh chiến tranh.

Phần 2: Nỗi buồn của tác giả khi ý thức về tuổi thanh xuân của mình đã qua đi trong khói lửa chiến tranh.

Phần 3: Nỗi xúc động, nhớ nhà, khao khát được về với gia đình của tác giả khi nhận được thư mẹ.

**2. Nội dung văn bản**

a. Sự kiện 1: Những công việc hằng ngày vô cùng bận rộn, khó khăn, vất vả của một nữ bác sĩ trong hoàn cảnh chiến tranh.

- Thời gian: 20/7/1968.

- Suy nghĩ của tác giả:

+ Cảm thấy đã đem hết tài năng sức lực của mình để cống hiến cho cách mạng.

+ Hoàn thành khối lượng cộng việc năng nề trong khó khăn bằng cả trách nhiệm và tình yêu thương.

+ Thấy cảm phục những người anh hùng vô danh trên mảnh đất miền Nam đau thương, khói lửa.

- Nhận xét về chủ thể trần thuật:

+ Một nhân cách, một tâm hồn cao đẹp, vừa có ý thức trách nhiệm với đất nước vừa giàu tình yêu thương với đồng bào.

b. Sự kiện 2.

- Thời gian: 1/1/1970.

- Suy nghĩ của tác giả:

+ Buồn vì tuổi xuân quan đi trong chiến tranh.

+ Ước mơ đất nước được độc lập, tự do.

- Nhận xét về chủ thể trần thuật:

+ Một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế luôn khát khao cháy bỏng ngày đất nước được hòa bình.

c. Sự kiện 3.

- Thời gian: 19/5/1970.

+ Nhớ gia đình, nhớ người thân yêu, nhớ miền Bắc yêu thương.

+ Tự hào là một chiến sĩ can trường trong cuộc chiến đấu.

- Nhận xét về chủ thể trần thuật:

+ Một con người sâu nặng tình yêu thương đối với gia đình và quê hương, nhưng khi đối đầu với kẻ thù thì dũng cảm can trường.

**Hoạt động 4: Tìm hiểu các yếu tố nghệ thuật trong văn bản**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các yếu tố nghệ thuật trong văn bản** | **Biểu hiện** | **Tác dụng** |
| Tính phi hư cấu |  |  |
| Sự kết hợp giữa thủ pháp miêu tả với trần thuật trong văn bản |  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**- Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi.**

- Giáo viên: Quan sát, lắng nghe, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Gv sửa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức. Sau đây là gợi ý:

a. Tính phi hư cấu.

- Tính phi hư cấu của văn bản thể hiện ở ghi chép xác thực theo thứ tự ngày/tháng/năm, địa danh, tên người…

- Tác dụng: Tạo độ tin cậy đối với người đọc về những thông tin xác thực hằng ngày được người viết ghi lại.

b. Sự kết hợp giữa thủ pháp miêu tả với trần thuật trong văn bản.

- Sự kết hợp giữa thủ pháp miêu tả với trần thuật khiến cho sự việc hiện lên cụ thể, sinh động, đồng thời thể hiện được thái độ và đánh giá của người viết.

**Hoạt động 5: Tổng kết**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- HS sử dụng kĩ năng trình bày 01 phút để trả lời câu hỏi sau:

? Nhận xét những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của đoạn trích.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ cá nhân. GV quan sát, khích lệ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

- HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ.

- Trao đổi, thảo luận.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.

**1. Nội dung**

**-** Qua những trang nhật kí đầy xúc động của bác sĩ - liệt sĩ Đặng Thùy Trâm đã tái hiện lại những ngày tháng chiến đầu đầy gian khổ của dân tộc ta trong những năm kháng chiến chống Mỹ. Lòng dũng cảm, tình yêu thương sâu nặng với gia đình và quê hương sẵn sàng cống hiến, hi sinh tuổi thanh xuân của mình. Quyết tâm theo lí tưởng của Đảng, dấn thân vào con đường đấu trang giải phóng dân tộc thống nhất đất nước của bác sĩ Đăng Thùy Trâm là một tấm gương sáng cho thế hệ mai sau mãi dõi theo.

**2. Nghệ thuật**

- Lời văn giản dị ngôn từ mộc mạc, gần gũi, nhẹ nhàng.

- Đặc điểm của thể loại nhật kí: tính phi hư cấu, sự kết hợp giữa thủ pháp miêu tả với trần thuật trong văn bản.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Củng cố nội dung kiến thức đã tìm hiểu và hình thành ở hoạt động Hình thành kiến thức.

**b. Nội dung:** Thực hành bài tập trắc nghiệm.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**c. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

HS đọc câu hỏi và chọn đáp án đúng nhất (HS thực hiện cá nhân) cho từng câu hỏi GV yêu cầu.

**Bước 2,3: Thực hiện và báo cáo nhiệm vụ học tập**

- HS tích cực tham gia trò chơi.

- GV quan sát, khích lệ HS.

- Hệ thống câu hỏi

**Câu 1. Nhật kí Đặng Thùy Trâm được viết trong những năm tháng nào?**

**A.** Kháng chiến chống Pháp 1945-1954 **B.** Kháng chiến chống Mỹ 1968-1970

**C.** Kháng chiến chống Mỹ 1970-1972 **D.** Kháng chiến chống Mỹ 1972-1975

**Câu 2. Tính xác thực của việc ghi chép hằng ngày được biểu hiện ở những yếu tố nào?**

**A.** Rõ ràng về ngày, tháng, năm và sự kiện trong cuộc sống của người viết.

**B.** Rõ ràng về ngày, tháng và sự kiện trong cuộc sống của người viết.

**C.** Rõ ràng về tháng, năm và một sự việc trong cuộc sống của người viết.

**D.** Rõ ràng về sự kiện trong cuộc sống của người viết.

**Câu 3. Công việc nữ bác sĩ Đặng Thùy Trâm là gì?**

**A.** Phụ trách công việc của bệnh xá.

**B.** Điều trị cho thương binh.

**C.** Đào tạo các y tá để bộ sung cho mạng lưới y tế cách mạng các xã.

**D.** Tất cả các đáp án trên.

**Câu 4. Quê hương của nữ bác sĩ Đặng Thùy Trâm ở đâu?**

**A.** Quảng Ngãi.

**B.** Quảng Trị.

**C.** Hà Nội.

**D.** Thái Bình.

**Câu 5. Các yếu tố nào thể hiện tính phi hư cấu trong thể loại Nhật kí?**

**A.** ghi chép khá chính xác theo thứ tự ngày/tháng/năm, địa danh, tên người…

**B.** ghi chép xác thực theo thứ tự ngày/tháng/năm, địa danh, tên người…

**C.** ghi chép không cần chính xác theo thứ tự ngày/tháng/năm, tên người, địa danh, …

**D.** ghi chép có thể sử dụng các yếu tố sáng tạo, tưởng tượng và theo thứ tự ngày/tháng/năm, tên người, địa danh, …

**Câu 6. Điểm giống nhau về mặt nghệ thuật của các thể lại nhật kí, phóng sự, hồi kí là gì?**

**A.** Kết hợp yếu tố hư cấu và phi hư cấu

**B.** Tính phi hư cấu, miêu tả kết hợp trần thuật

**C.** Tính phi hư cấu và mang yếu tố chính luận

**D.** Trần thuật với ngôi thứ nhất, số ít

**Câu 7. Tình cảm nào của tác giả KHÔNG thể hiện trong đoạn trích?**

**A.** Buồn vì tuổi xuân qua đi trong chiến tranh.

**B.** Nhớ nhà, nhớ người thân.

**C.** Khao khát được đi học.

**D.** Ước mơ đất nước được độc lập, tự do.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- GV nhận xét, tuyên dương khen thưởng hoặc cho điểm HS có nhiều câu trả lời đúng.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và vấn đề thực tiễn.

**b. Nội dung:** trình bày suy nghĩ, tình cảm của bản than về một vấn đề được đặt ra trong văn bản

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn 200 chữ của HS cho yêu cầu “Theo em, văn bản trên có ý nghĩa như thế nào đối với thế hệ trẻ ngày nay”.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ:

? Theo em, văn bản trên có ý nghĩa như thế nào đối với thế hệ trẻ ngày nay.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ cá nhân và hoàn thành vào vở.

- GV định hướng và kiểm tra vào tiết sau.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

- HS hoàn thành bài tập vào vở ghi chép.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

GV nhận xét kết quả vào tiết học kế tiếp.

Học sinh hoạt động cá nhân đưa ra suy nghĩ của mình và trả lời các câu hỏi.

- Một số gợi ý:

+ Nêu suy nghĩ và cảm xúc của bản thân sau khi đọc xong văn bản. Trân trọng và cảm phục lí tưởng sống, lòng yêu nước và nghị lực phi thường, tinh thần dũng cảm của một thế hệ thanh niên Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

+ Ý nghĩa của văn bản đối với thế hệ trẻ ngày nay. Trân trọng và biết ơn đối sự hi sinh anh dũng của thế hệ đi trước. Cố gắng học tập, rèn luyện, phấn đấu để bảo vệ và phát triển đất nước, giúp cho đất nước có thể sánh vai với các cường quốc năm châu như chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong đợi.

**3. Sau giờ học**

- HS tìm đọc toàn bộ những đoạn trích khác của tác phẩm. Có thể xem phim chuyển thể từ cuốn Nhật kí, bộ phim “ Đừng đốt” - Đạo diễn Đặng Nhật Minh năm 2009.

**BÀI 3: NHẬT KÍ, PHÓNG SỰ, HỒI KÍ**

**Tiết:**

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**KHÚC TRÁNG CA CỦA NHÀ GIÀN**

- **Xuân Ba -**

|  |
| --- |
| **GIÁO VIÊN THAM GIA SOẠN** |
| 1. Mai Quân, Trường THPT Đông Mỹ - Thanh Trì - Hà Nội |
| 2. Lê Văn Lịnh, Trung tâm GDTX Thanh niên xung phong |

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Kiến thức**

**-** Nắm được thông tin về tác giả Xuân Ba, những thông tin xác thực được điều tra ghi chép… để nhận thức được về thể loại phóng sự, mục đích của bài viết.

- Nắm được nghệ thuật của thể loại phóng sự.

- Ý nghĩa của vấn đề mà tác giả nêu trong văn bản.

**2. Kĩ năng**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- Năng lực ngôn ngữ; năng lực cảm thụ thẩm mỹ; năng lực sáng tạo.

- Biết cách đọc hiểu một phóng sự.

- Năng lực giải quyết vấn đề phát sinh trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

- Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS cảm nhận vẻ đẹp ngôn ngữ văn học - tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật NT; biết rung động trước cái đẹp và tâm hồn đẹp; nhận ra được những giá trị thẩm mỹ của văn bản.

**3. Phẩm chất**

- Có thái độ yêu quý, bảo vệ thiên nhiên vùng biển của đất nước.

- Sống yêu thương, nhân ái, ca ngợi, biết ơn những anh hùng đã ngã xuống để bảo vệ vùng biển lãnh hải và tài nguyên của đất nước.

- Có khát vọng sống tốt đẹp.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- SGK Ngữ văn 12.

- Tranh, ảnh, về tác giả, tác phẩm, một số clip về nhà giàn ở biển Đông

- Giáo viên thiết kế bài giảng điện tử.

# **III. Tiến trình dạy học**

**1. TRƯỚC GIỜ HỌC**

Trước giờ học, GV yêu cầu HS thực hiện phần chuẩn bị, bao gồm:

- Đọc lại phần Kiến thức ngữ văn: đặc điểm của thể loại phóng sự, một số lưu ý khi đọc hiểu thể loại về thủ pháp miêu tả và trần thuật của văn bản.

- Đọc trước văn bản Khúc tráng ca nhà giàn, tìm hiểu những thông tin về tác giả Xuân Ba, về nhà giàn và vùng biển Việt Nam. Lựa chọn ghi chép những thông tin giúp đọc hiểu văn bản.

- Tìm hiểu thêm những phóng sự khác của Xuân Ba.

**2. TRÊN LỚP**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Kết nối- tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới; huy động kiến thức nền liên quan đến bài học, động kiến thức nền liên quan đến bài học.

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**c. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV cho HS xem một clip ngắn về vùng biển đảo san hô ngoài khơi Việt Nam và nhà giàn Ba Kè DK1

- HS xem và trả lời câu hỏi: Suy nghĩ của em sau khi xem xong đoạn video?

(GV mời 2-3 HS trả lời)

+ Em nhận xét gì về hình ảnh các nhà giàn trên biển?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS xem, suy nghĩ, trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Học sinh cần nắm được các thông tin về thể loại phóng sự. Thông tin về tác giả, tác phẩm, nội dung văn bản.

**b. Sản phẩm:** Nội dung về tác giả, tác phẩm

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hoạt động 2.1. Tìm hiểu chung**  **Thao tác 1. Tìm hiểu về tác giả, văn bản**  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  Trong thời gian 4 phút, bằng hình thức thảo luận cặp đôi, các em hãy: Trình bày những hiểu biết của em về tác giả và tác phẩm.  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  ***-*** Hs lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ.  ***\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - Học sinh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các nhóm khác bổ sung ý kiến***.***  ***\* Bước 4: Đánh giá, kết luận***  - GV nhận xét các câu trả lời và thái độ học tập của HS | **I. Tìm hiểu chung**  **1.** **Tác giả**  - Nhà báo Xuân Ba, tên thật là Trịnh Huyên  - Sinh năm 1954 tại thôn Việt Yên, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.  - Ông tốt nghiệp khoa Văn, Đại học Tổng hợp Hà Nội cuối năm 1976.  - Năm 1977, ông về báo Tiền phong và công tác suốt từ đó cho đến nay. Ông trở thành Hội viên Hội nhà văn Việt Nam năm 1998 (Nhà văn Nguyễn Khải giới thiệu).  - Các tác phẩm chính (Tập sách Phóng sự-Bút ký văn học):  - Mọi linh hồn đều được đưa tiễn (NXB Hội Nhà văn, 1991)  - Vẫn phải tin vào những giọt nước mắt (NXB Văn học, 1995)  - Thời chưa xa, người chưa cũ (NXB Văn học, 2004)  - Khang khác mây thường (NXB Hội Nhà văn, 2004)  - Chuyện buồn kể muộn (NXB Hội Nhà văn, 2005)  - Một tuần nước Mỹ (NXB Hội Nhà văn, 2006)  - Ngọn cỏ gió vờn (NXB Hội Nhà văn, 2013)  - Những cự ly thương mến (NXB Thanh Niên, 2013)  => Phóng sự của ông gắn bó với sự kiện của đất nước.  Ông được coi là “Vũ Trọng Phụng của thể loại phóng sự”.  **2. Tác phẩm**  **a. Thể loại:** Phóng sự  **b. Xuất xứ:**trích trong “*Những cự ly thương mến*” (NXB Thanh Niên, 2013) |
| **Hoạt động 2.2: Đọc - hiểu văn bản**  **Thao tác 1: GV tổ chức hướng dẫn và đọc văn bản**  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  Trong thời gian 4 phút kết hợp với nhiệm vụ đọc ở nhà, em hãy: Trình bày Bố cục của văn bản; Nội dung của từng phần; Nhận xét về nhan đề.  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  ***-*** Hs lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ.  ***\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - Học sinh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - bổ sung ý kiến***.***  ***\* Bước 4: Đánh giá, kết luận***  - GV nhận xét các câu trả lời và thái độ học tập của HS  **Thao tác 2: Tìm hiểu về nội dung văn bản**  **Vòng 1.**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  HOẠT ĐỘNG NHÓM  Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm  **Nhóm 1:**  Tìm hiểu về vùng biển đảo chìm Ba Kè trong đoạn 1   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Vùng biển đảo chìm Ba Kè** | | | | Bối cảnh chuyến đi | Hình ảnh đảo chìm (màu nước, độ sâu, san hô) | Giá trị của đảo chìm | |  |  |  |   **Nhóm 2:**  Tìm hiểu sự dữ dội của biển cả và sự hi sinh của các chiến sĩ bảo vệ nhà giàn   |  |  | | --- | --- | | Biển cả | Sự hi sinh anh dũng của các chiến sĩ | |  |  |   **Nhóm 3:** Điểm khác nhau của 3 thế hệ nhà giàn   |  |  | | --- | --- | | Điểm khác nhau của 3 thế hệ nhà giàn | | | 3 thế hệ nhà giàn | Ý nghĩa | |  |  |   **Nhóm 4:** Thái độ và cảm xúc của tác giả  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  Vòng 2. Hình thành nhóm chuyên gia  Nhiệm vụ: Dịch chuyển hs từ mỗi nhóm cũ lần lượt tạo thành nhóm mới. Mỗi nhóm mới có đủ các thành viên đến từ 4 nhóm để thực hiện nhiệm vụ chung:  Hình ảnh đảo chìm Ba Kè ( Bối cảnh chuyến đi – những người lính nhà giàn – Ba thế hệ lính nhà giàn – cảm xúc của tác giả)  **HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày theo nhóm. Nhóm trưởng đại diện trình bày trước lớp.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận** | **II. Đọc – hiểu văn bản**  **1. Bố cục:**  - Phần 1: Hình ảnh về vùng biển Ba Kè  - Phần 2: Sự dữ dội của biển cả và sự hi sinh của các chiến sĩ bảo vệ nhà giàn  - Phần 3: Điểm khác nhau của 3 thế hệ nhà giàn  - Phần 4: Thái độ và cảm xúc của tác giả  **2. Nhan đề**  - “Khúc tráng ca nhà giàn” ca ngợi sự kì vĩ của thiên nhiên biển cả và sự hi sinh bi tráng, hào hùng của những người lính hải quân nơi nhà giàn, bảo vệ vùng biển Việt Nam trước sự dữ dội của sóng gió biển khơi.  **3. Hình ảnh đảo chìm Ba Kè**  **3.1. Bối cảnh chuyến đi**  - *Con tàu xé sóng lách màn đêm vào khu vực Ba Kè*.  + 2 hình ảnh nhân hóa đặt liền nhau với động từ mạnh “xé, lách”: mạnh mẽ, kiên quyết, khí thế dũng cảm và đầy uy vũ.  + Cụ thể, xác thực về:  ++ thời gian: đêm khuya gần về sáng (4h sáng)  ++ địa điểm: khu vực bãi đá ngầm Ba Kè phía nam quần đảo Trường Sa.   * Màu nước:   + Không thẫm đen mà là màu nước hến, dần dà sẽ chuyển sang màu lam.  + Độ sâu gắn với màu nước biển (màu thẫm đen có khoảng sâu hun hút từ ngàn thước nước trở lên; lờ đờ nước hến có độ sâu vài chục mét, sắc lam thường có rặng san hô trĩu trịt với nhiều sắc độ bắt mắt.)  -> nhấn mạnh sự phong phú, độc đáo của đại dương đồng thời cũng ca ngợi kinh nghiệm sự quan sát tinh tế của đại tá Chấn  -> những hình ảnh miêu tả sắc nét, câu văn gọi cảm xúc cũng là thể hiện niềm vui và thái độ ngưỡng mộ của tác giả.  - Bãi san hô rộng khoảng chục cây số vuông, nhiều thì vài chục cây số vuông thậm chí cá biệt có tới trăm ki-lô-mét vuông; nhô lên tùy theo thủy triều một khoảng đá san hô -> gọi là đảo chìm.  - Như ở Nhật Bản thì họ xây dựng căn cứ thậm chí cảng sân bay trên đảo chìm như vậy.  - Ở Việt Nam xung quanh đảo chìm những bãi san hô Trường Sa còn có dầu khí quý giá.   * Tài nguyên khoáng sản dầu khí và tài nguyên biển, san hô tiềm ẩn và giàu giá trị.   - Tác giả so sánh với những câu thơ của Trần Đăng Khoa trong bài thơ “Đồng đội tôi trên đảo Thuyền Chài” và với Nhật Bản để thấy tính trữ tình xen kẽ của thể phóng sự nhưng cũng thể hiện được tiềm năng của vùng đảo chìm vừa hùng vĩ, vừa trù phú, mênh mang.  - Vì vậy chúng ta đã mưu trí, chủ động giữ đảo giữ biển bằng mồ hôi, máu, sức trẻ cùng biển mặn.  - Khu vực Ba Kè không cồn, không nhô lên những mỏm để tạo nên đảo chìm nhưng tạo nên độ sâu vừa phải để dựng nhà giàn - chòi canh trên biển.  - *Các nhà giàn xây lưng lại với nhau, vây bọc nhau đủ sức tạo thành thế trận để giữ chủ quyền những khoảng san hô quý giá mà tiềm ẩn quanh đó những mỏ dầu, túi khí. Không xa phía trong kia lênh khênh những giàn khoan Bạch Hổ, Đại Hùng.*  -> Nhà giàn Ba Kè đã hiên ngang bảo vệ vùng biển lãnh hải của đất nước, là đảo tiền tiêu giữa biển khơi xa.  **3.2. Những người lính nhà giàn**  - Thời gian: biển tờ mờ  - Hoàn cảnh: sóng dồi lắc dữ dằn, biển làm trò tung hứng chiếc xuồng như một thứ đồ chơi mỏng manh (nhân hóa, so sánh giàu sức gợi), khoảng non trưa sóng mới bớt.  - Nhà giàn:  + diện tích 50 mét vuông quanh năm suốt tháng ngó lên là trời, trông ngang là nước.  + Bây giờ là xi măng cốt sắt là sàn tường bê tông nhưng mươi mười lăm năm trước kém kiên cố hơn bây giờ.  + Được định kì tiếp tế.  + Nếu sóng lớn xuồng không cặp vào chòi được. Bên tàu ngó sang bên chòi mà rưng rưng nước mắt.  + Chiếc xuồng mất hút giữa núi sóng.  + Họ đưa ra 2 phương án nhưng dù khó khăn vẫn kiên quyết chuyển hàng và quà tặng cho các chiến sĩ nhà giàn dù sóng đang rất dữ dội.   * Tình đồng đội keo sơn thắm thiết, tin thần trách nhiệm cao, dũng cảm đương đầu thử thách, hoàn thành nhiệm vụ.   - Không đồng ý cho tác giả sang nhà giàn trong hoàn cảnh khắc nghiệt như vậy: quan tâm, trách nhiệm.  - Câu chuyện về những người lính nhà giàn những năm trước đây 1990, 1996, 1999, 2000. Các anh phải chống trọi với bão cấp 11, 12.  + 5-12-1990 nhà giàn 1:3 Phúc Tần đã làm 3 chiến sĩ hi sinh (Liệt sĩ Thượng úy Nguyễn Hữu Quảng, chủ nhiệm chính trị nhà giàn).  + 13-12-1998, đại úy Vũ Quang Chương chỉ huy nhà giàn 2A Phúc Nguyên trong trận bão số 8 cùng đại úy đảng viên Nguyễn Văn An đã kiên cường anh dũng hi sinh. Liệt sĩ Nguyễn Văn An có con trai vừa mới sinh chưa kịp nhìn mặt bố!  + Liệt sĩ chuẩn úy Lê Đức Hồng, thượng úy Phạm Tảo, đại úy Nguyễn Văn Tư, trung úy Lê Tiến Cương, thượng úy Ngô Sĩ Nga, máy trưởng chiến sĩ Hoàng Văn Cúc, Nguyễn Đức Hanh…   * 14 cán bộ chiến sĩ nhà giàn đã hi sinh trong một số trận bão: phép liệt kê đan xen với các kiểu câu linh hoạt, đa dạng, những sự kiện lịch sử của nhà giàn bao năm qua.   - Tưởng niệm các chiến sĩ nhà giàn hi sinh.   * Niềm đau đớn, xót xa trước sự hi sinh của các anh trong lúc trời biển cùng hiệp đồng tạo trận cuồng phong nhưng đồng thời cũng tràn đầy lòng biết ơn, ngợi ca, tự hào, khâm phục trước sự kiên cường, dũng cảm đó của các anh.   **3.3. Ba thế hệ nhà giàn**  - Cục Công binh đã xây dựng nhà giàn giữa vùng biển khơi Ba Kè.  - Thời kì đầu tiên: cọc bê tông, cọc gỗ cắm xuống nền san hô, trên bắc hoặc thưng hoặc ván hoặc bạt  -> đơn sơ, chưa chắc chắn. *Loại nhà này có chỗ còn để lại làm kỉ niệm, có đảo sót lại mấy cái cọc lênh khênh, có đảo thì phá trụi để làm thế hệ nhà thứ 3*.  - Thời kì thứ hai là lô cốt. Trong đó chia ra những ô bê tông dùng cho việc sinh hoạt lẫn phòng thủ. Loại nhà kiêm lô cốt này vẫn còn.  - Thời kì thứ ba là tổ hợp kiến trúc bắt mắt giữa dân sinh và quốc phòng.  + Từ xa ngó như cái nhà, một biệt thự màu trắng 3, 4 tầng đột ngột nhô giữa đại dương.  + Có cửa, có phòng làm việc sinh hoạt hội họp.  + Những ô cửa trổ ra các hướng.  + Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa kết cấu khung thép của giàn khoan dầu khí với hệ thống móng cọc thép chịu được bão gió cấp 12 hoặc hơn.   * Thay đổi tích cực để đảm bảo an toàn trong sinh hoạt và phòng thủ của các chiến sĩ hải quân ở nhà giàn.   **4. Cảm xúc của tác giả**  - Khát khao ra nhà giàn thăm anh em chiến sĩ.  - Vui sướng, ca ngợi tự hào trước vùng đảo chìm nhiều tài nguyên trù phú.  - Đau đớn, tưởng niệm, ngợi ca sự hi sinh anh dũng của các chiến sĩ nhà giàn đã hi sinh.  - Trân trọng, tự hào vì sự thay đổi của nhà giàn ngày càng vững chắc, kiên cố hơn trước sóng gió biển khơi.  - *Giữa làn nước xanh thăm thẳm kia mà thấy rùng mình, không biết anh em công binh làm cách nào thương lượng được với Hà Bá hay vua Thủy Tề để cắm hệ thống đài cọc vững vàng kiên cố như thế?*  -> Ngạc nhiên, ngưỡng mộ, khâm phục.  - Hi vọng, tin tưởng (*mai kia họ sẽ cắm hệ thống đài cọc hiện đại – bà đỡ cho nền móng thành phố, sân bay trên biển của nước Việt Nam mới*.) |

**Hoạt động 2.3. Hướng dẫn Tổng kết**

**a. Mục đích:**HS khái quát được đặc sắc nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:**HS chia sẻ ý kiến.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  HS trao đổi theo cặp trong bàn:  *Rút ra những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hoạt động thảo luận theo cặp.  GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ.  Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. | **III. TỔNG KẾT**  **1. Đặc sắc nội dung**  - Ca ngợi vẻ đẹp tiềm năng của vùng biển đất nước.  - Vui sướng trước sự đổi thay của nhà giàn.  - Thấu hiểu những nỗi vất vả, mất mát của các chiến sĩ nhà giàn và gia đình của họ.  - Bài phóng sự như một lời kêu gọi, thức tỉnh mọi người trong xã hội cần có lòng biết ơn và luôn nhớ đến những con người đã và đang ngày đêm đối mặt hiểm nguy để bảo vệ Tổ quốc.  **2. Đặc sắc nghệ thuật**  - Tính phi hư cấu thể hiện ở những sự kiện có thực về thời gian (ngày 25/3/1946, 13/12/1998,...); địa điểm (khu vực Ba Kè, giàn khoan Bạch Hổ, Đại Hùng,.. ); số liệu ( tàu HQ-996, tên các chiến sĩ,...)  - Tính phi hư cấu góp phần cung cấp thêm số liệu cụ thể và xác thực, nhằm giúp người đọc dễ dàng hình dung về các sự kiện cũng như tăng sức thuyết phục, xác đáng cho văn bản.  - Văn bản đã sử dụng biện pháp kết hợp giữa tính phi hư cấu với một số thủ pháp nghệ thuật như miêu tả, trần thuật,...  + Đoạn văn “*Những cơn bão năm 1990,1996,...Đó là những bức điện cuối cùng mà Sở Chỉ huy quân chủng nhận được”.*Tính phi hư cấu thể hiện qua các con số cụ thể như bão cấp 11, 12; năm 1990, 1996, 1999, 2000. Thủ pháp trần thuật thể hiện qua câu chuyện Đại tá Chấn kể lại. Thủ pháp miêu tả *“lần lượt thụi và thốc những cú ác liệt”; “bão không thay đổi sức gió”,...*  *+*Đoạn văn : *“Đó là ngày 13-12-1998,...Nguyễn Đứa Hanh,v.v..”*. Tính phi hư cấu thể hiện qua ngày tháng cụ thể và tên của những chiến sĩ đã hi sinh.  *+*Thủ pháp trần thuật thể hiện qua diễn biến câu chuyện về trận bão số 8 năm 1998. Thủ pháp miêu tả : *“chòi sắp đổ vẫn bình tĩnh” ; “cuốn là cờ Tổ quốc vào người”,...*  - Kết cấu rõ ràng nhưng rất chặt chẽ, lô gích.  - Các kiểu câu linh hoạt.  - Ngôn ngữ giàu sức gợi, vừa gần gũi tự nhiên; giọng điệu đan xen biến hóa. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Củng cố nội dung kiến thức đã học

**b. Sản phẩm:** Hs ghi nhớ, khắc sâu kiến thức

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Bài tập:**  1. Hãy viết đoạn văn nghị luận bàn về giá trị của vùng biển Việt Nam.  2. Em đã từng đi du lịch biển cùng gia đình, hãy viết một phóng sự ngắn về bãi biển mà em ấn tượng.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh viết đoạn văn vào vở và trình bày.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu học sinh đọc và đánh giá bài của bạn (hai bạn ngồi cùng bàn).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.  - Hướng dẫn đọc và chuẩn bị bài học tiếp theo. | 1. Giá trị vùng biển: kinh tế, quốc phòng, giải trí, điều hòa khí hậu, giao thương…  2. Phóng sự ngắn về bãi biển ấn tượng:  + Nước biển  + Bãi cát, màu cát  + Đường bờ biển  + Sóng, gió  + Cảnh thiên nhiên, bờ đá, đảo xung quanh, khí hậu  + Các khu du lịch ven biển  + Người dân vùng biển… |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các bài tập

**b. Sản phẩm:** Học sinh ghi nhớ kiến thức của bài

**c. Tổ chức thực hiện**

***- Giáo viên giao nhiệm vụ***: Vẽ sơ đồ tư duy bài học.

***- Thực hiện và báo cáo:*** Hs thực hiện ở nhà và nộp sản phẩm vào tiết sau.

***- Kết luận***: Gv nhận xét, đánh giá, cho điểm vào tiết học sau

**3. SAU GIỜ HỌC**

- GV hướng dẫn và yêu cầu hs về nhà viết đoạn văn ngắn từ 10-15 dòng trình bày suy nghĩ của mình sau khi học xong phóng sự *Khúc tráng ca nhà giàn* của nhà báo Xuân Ba.

- Chuẩn bị tiết Thực hành đọc hiểu: *Quyết định khó khăn nhất*.

Ngày soạn:

Ngày bắt đầu dạy

**Tiết**

**Thực hành đọc hiểu**

**QUYẾT ĐỊNH KHÓ KHĂN NHẤT**

**(Trích "Điện Biên Phủ - điểm hẹn lịch sử)**

**- Võ Nguyên Giáp-**

|  |
| --- |
| **GIÁO VIÊN THAM GIA SOẠN** |
| 1. Nguyễn Thị Kiên Chung, Trường THPT Đức Hợp, Hưng Yên |
| 2. Hoàng Thị Ngọc Duyên, Trường THPT Hà Đông - Thanh Hà - Hải Dương |

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Khái niệm và đặc điểm cơ bản về thể loại hồi kí

- Nội dung và những đặc điểm cơ bản của hồi kí trong văn bản "Quyết định khó khăn nhất"

- Cách đọc hồi kí

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tự quản bản thân

- Năng lực giao tiếp

- Năng lực hợp tác,...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực đọc hiểu hồi kí:

+ Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa một số thủ pháp nghệ thuật với tính phi hư cấu trong hồi kí.

+ Phát hiện và hiểu được giá trị tư tưởng của văn bản, hiểu được thời kì lịch sử, những nhân vật lịch sử trong văn bản hồi kí.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày thông tin..

**3. Phẩm chất**

- Yêu nước, yêu lịch sử dân tộc

- Biết ơn, kính trọng những con người có công đối với đất nước

**II. Thiết bị và học liệu**

- Máy tính, máy chiếu, giấy A0 …

- Sgk, sgv, thiết kế bài dạy…

**III. Tiến trình**

**Hoạt động 1. Khởi động**

**a. Mục tiêu**

Tạo hứng thú cho học sinh khi tiếp nhận kiến thức, dẫn dắt vào bài mới

**b. Sản phẩm**

**c. Tổ chức thực hiện**

***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV cho HS xem video tóm tắt chiến dịch Điện Biên Phủ, nêu cảm nhận của mình về thước phim trên?

https://www.youtube.com/watch?v=vQ2153r1WvM

***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS theo dõi video để trả lời.

***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

Hs trả lời cá nhân.

***\*Bước 4: Đánh giá, kết luận***

GV nhận xét về phần trình bày của học sinh, dẫn vào bài mới.

Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 được xem là chiến thắng lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu. Chiến thắng Điện Biên Phủ chấm dứt ách xâm lược của thực dân Pháp trên đất nước ta cũng như ở Lào và Campuchia. Nó trực tiếp dẫn đến thắng lợi của Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương, buộc nước Pháp và các nước tham dự hội nghị phải công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Chiến thắng Điện Biên Phủ không chỉ là chiến thắng vĩ đại của Nhân dân Việt Nam mà còn là chiến thắng của tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Nó chứng tỏ trong thời đại ngày nay, chiến tranh xâm lược của đế quốc nhất định thất bại, cách mạng giải phóng dân tộc nhất định thắng lợi.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp là đại tướng đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam, người chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ. Điểm nhấn đặc biệt trong cuộc đời chỉ huy của Đại tướng Võ Nguyên Giáp chính là quyết định mang tính sáng tạo và kịp thời được các nhà nghiên cứu ghi nhận như một trong những nguyên nhân thắng lợi. Đó là sự thay đổi phương châm tác chiến từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang “đánh chắc tiến chắc." 🡪 Cùng tìm hiểu quyết định khó khăn của ông qua văn bản.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu**

Giúp HS nắm được: đặc điểm cơ bản về thể hồi kí, những nét khái quát về cuộc đời, sự nghiệp quân sự của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nội dung và đặc điểm của hồi kí qua văn bản "Quyết định khó khăn nhất"

**b. Sản phẩm**

Câu trả lời, phần trình bày của học sinh.

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Hướng dẫn HS tìm hiểu tri thức về thể loại và kiến thức chung về văn bản "Quyết định khó khăn nhất"***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV yêu cầu HS dựa trên việc đọc phần tri thức ngữ văn về thể loại hồi kí, hoàn thành phiếu học tập sau   |  |  | | --- | --- | | **Thể loại hồi kí** | | | **1. Khái niệm** | ……. | | **2. Đặc điểm** | - Không ghi chép tỉ mỉ mà dựa trên…………………  - Đảm bảo tính khách quan, chính xác về………  - Giá trị của hồi kí………. |   ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS đọc lại phần Tri thức ngữ văn, ghi nhớ kiến thức thể loại  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  HS trả lời câu hỏi  ***\*Bước 4: Đánh giá, kết luận***  GV nhận xét, bổ sung, trình chiếu những kiến thức cơ bản về thể loại hồi kí | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Thể loại hồi kí**  **\* Khái niệm:** Là thể loại ghi lại những sự kiện đã xảy ra trong quá khứ mà tác giả là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến.  **\* Một số đặc điểm**  - Không ghi chép tỉ mỉ mà dựa trên ấn tượng và hồi ức của cá nhân người viết.  - Đảm bảo tính khách quan, chính xác về sự kiện, nhân vật, thời gian, địa điểm…  - Hồi kí của những nhân vật có vị trí xã hội là những tư liệu lịch sử quý giá  - Sự kết hợp giữa hiện thực + trải nghiệm, thái độ, đánh giá của người viết 🡪 hồi kí vừa có chức năng thông tin, vừa chứa đựng tư tưởng. |
| ***Hướng dẫn HS tìm hiểu tri thức chung về tác giả và văn bản***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV yêu cầu HS trình bày một số hiểu biết về Đại tướng Võ Nguyên Giáp và văn bản  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  Huy động việc đọc tư liệu về tác giả  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  HS trả lời câu hỏi  ***\*Bước 4: Đánh giá, kết luận***  GV nhận xét, bổ sung | **2. Tác giả Võ Nguyên Giáp (**25 tháng 8 năm 1911 – 4 tháng 10 năm 2013)  **-** Tên khai sinh: Võ Giáp; còn được gọi là Tướng Giáp, anh Văn  - Quê: Quảng Bình  - Gia đình: Sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo  - Cuộc đời:  + Xuất thân là một thầy giáo dạy lịch sử  + Sau đó ông dấn thân vào con đường Cách mạng, trở thành vị Đại tướng – Tổng tư lệnh huyền thoại của Việt Nam và thế giới; được cuốn Tân bách khoa toàn thư của nước Anh xếp hạng là một trong các danh tướng trên thế giới từ cổ đại đến nay (cùng với Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn).  - Ông chỉ huy nhiều chiến dịch lớn của Việt Nam: Chiến dịch Biên giới thu đông 1950, Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954, Chiến dịch Hồ Chí Minh trong đó chiến dịch Điện Biên Phủ 1954 có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với Cách mạng Việt Nam.  **3. Văn bản "Quyết định khó khăn nhất"**  **- Xuất xứ:** Thuộc chương 4 của cuốn hồi kí "Điện Biên Phủ - điểm hẹn lịch sử" của Đại tướng Võ Nguyên Giáp do nhà văn Hữu Mai ghi lại – cuốn sách lần đầu được xuất bản vào năm 2000.  **- Bố cục:**  + Phần 1: Đại tướng nảy sinh ý định chuyển phương án "Đánh nhanh thắng nhanh" sang "Đánh chắc, tiến chắc".  + Phần 2: Họp, bàn bạc và thống nhất việc đổi phương châm, báo cáo với Bộ chính trị.  + Phần 3: Những bài học về dân chủ nội bộ sau 10 năm chiến thắng Điện Biên Phủ. |
| ***Hướng dẫn học sinh tìm hiểu văn bản***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV chia lớp thành 4 nhóm, thực hiện nhiệm vụ:  + Nhóm 1,2:  *++ Xác định sự kiện, người kể chuyện của hồi kí.*  *++ Tìm chi tiết thể hiện thái độ và suy nghĩ của Đại tướng Võ Nguyên Giáp khi phải đưa ra quyết định khó khăn nhất 🡪 Nhận xét về ông.*  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  Đọc văn bản, hoàn thành phiếu học tập  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  Trình bày kết quả thảo luận nhóm  ***\*Bước 4: Đánh giá, kết luận***  GV nhận xét, bổ sung    Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam nghiên cứu kế hoạch tác chiến Chiến dịch Điên Biên Phủ  GV bổ sung: quyết định thay đổi phương châm tác chiến ở trận Điện Biên Phủ đã trở thành điểm nhấn trong cuộc đời hoạt động quân sự của ông. | **II. Đọc – hiểu văn bản**  ***1. Sự kiện, người kể chuyện (nhân vật của hồi kí)***  **\*Sự kiện**  - Đại tướng Võ Nguyên Giáp quyết định thay đổi phương châm tác chiến từ "Đánh nhanh thắng nhanh" sang "Đánh chắc, tiến chắc" ngay trước giờ nổ súng ở chiến trường Điện Biên Phủ (khi quân ta đang chuẩn bị kéo pháo vào trận địa).  🡪 Đó cũng là quyết định khó khăn nhất với ông  **\*Nhân vật kể chuyện**  **-** Là đại tướng Võ Nguyên Giáp  ***- Thái độ, suy nghĩ của ông khi đưa ra quyết định***  Khi suy nghĩ một mình  *+ Tôi nhận thấy phải cho các đơn vị rút khỏi trận địa để nghiên cứu một cách đánh khác dù bộ đội có thắc mắc.*  *+ Phải cho họp ngay Đảng ủy Mặt trận … Suốt đêm tôi chỉ mong trời chóng sáng*  🡪 Quyết định bất ngờ, táo bạo cho thấy sự trăn trở và nhạy cảm của ông đối với chiến dịch ĐBP.  Khi bàn bạc cùng với các đồng chí  *+ Tôi muốn trao đổi với đồng chí Trưởng đoàn. Qua theo dõi tình hình, tôi cho rằng địch không còn trong trạng thái lâm thời phòng ngự, mà đã trở thành một tập đoàn cứ điểm phòng ngự kiên cố. Vì vậy, không thể đánh theo kế hoạch đã định…*  *+ Thời gian gấp, tôi cần họp Đảng ủy để quyết định*  *+ Tình hình khẩn trương. Cần sớm có quyết định. Vô luận tình hình nào, chúng ta vẫn phải nắm nguyên tắc cao nhất là: Đánh chắc thắng […] tôi đề nghị các đồng chí trả lời câu hỏi "Nếu đánh có chắc thắng trăm phần trăm không"*  *+ Để đảm bảo nguyên tắc "Đánh chắc thắng", cần chuyển phương châm diệt địch từ "Đánh nhanh thắng nhanh" sang "đánh chắc tiến chắc". Nay quyết định hoãn cuộc tiến công […] Hậu cần chuyển sang chuẩn bị cho phương châm mới*  🡪 Ông đề cao sự dân chủ trong những quyết định quan trọng của đất nước. Tuy vậy, ông tỏ rõ vai trò của người đứng đầu cầm quân: lấy nguyên tắc "chắc thắng" là kim chỉ nam, đưa ra những quyết định nhanh chóng, dứt khoát dựa trên sự phân tích tình hình chính xác.  => Đại tướng Võ Nguyên Giáp là người có tầm nhìn chiến lược, có sự nhạy bén, linh hoạt, sáng tạo và nhất là có bản lĩnh chiến trường.  - Quyết định của ông được đánh giá là một trong những nguyên nhân quan trọng làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. |
| + Nhóm 3+ 4  *++ Tìm các chi tiết về thời gian, địa điểm, số liệu… để thể hiện tính xác thực (tính phi hư cấu) của hồi kí*  *++ Nhận xét về thủ pháp trần thuật ở phần 2 (câu văn, nhịp điệu, đối thoại…)*  *🡪 Nhận xét hiệu quả khi kết hợp 2 yếu tố trên.*  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  Đọc văn bản, hoàn thành phiếu học tập  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  Trình bày kết quả thảo luận nhóm  ***\*Bước 4: Đánh giá, kết luận***  GV nhận xét, bổ sung | **2. Nghệ thuật của hồi kí**  Có sự kết hợp giữa tính xác thực (phi hư cấu) và một số thủ pháp nghệ thuật  **\* Tính xác thực**  - *Thời gian – địa điểm:* trong chiến dịch Điện Biên Phủ tại Điện Biên Phủ. Trong văn bản, một số mốc thời gian cụ thể:  +Sáng ngày 26/1/1954 họp Đảng ủy Mặt trận  + 17 giờ cùng ngày: kéo pháo ra khỏi trận địa, lui về điểm tập kết  + 14 giờ 30 mới có liên lạc điện thoại với anh Vương Thừa Vũ, Tư lệnh Đại đoàn 308  + Đúng 4 giờ chiều nay xuất phát  - *Các nhân vật:* là các vị tướng lĩnh trong quân đội:  + Lê Liêm: chủ nhiệm chính trị  + Vi Quốc Thanh: trưởng đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc  + Hoàng Minh Phương: trưởng đoàn phiên dịch của Bộ  + Vương Thừa Vũ: tư lệnh Đại đoàn 308  + Phạm Ngọc Mậu: chính ủy pháo binh…  Đặng Kim Giang, Hoàng Văn Thái, , Lê Trọng Tấn…  **\* Thủ pháp trần thuật**  - Nhiều câu văn ngắn, nhịp dứt khoát, dồn dập  - Sử dụng nhiều lời đối thoại của các nhân vật trực tiếp tham gia chiến dịch ĐBP.  - Các sự kiện diễn ra dồn dập: trao đổi với đồng chí Vi trong nửa giờ - họp với các đồng chí trong Đảng ủy – thống nhất thay đổi phương châm – ra lệnh cho các đơn vị bộ binh, pháo binh, Đại đoàn 308 – ra lệnh 17 giờ hôm nay kéo pháo khỏi trận địa – 14 giờ 30 phút liên lạc được với Tư lệnh Đại đoàn 308 …  🡪 Không khí căng thẳng, khẩn trương; sự nghiêm túc trong quân lệnh; sự đồng lòng nhất trí cao độ của những đồng chí lãnh đạo chiến dịch…  🡺 Sự kết hợp giữa yếu tố hiện thực và cách trần thuật đã mang đến sự hấp dẫn cho câu chuyện lịch sử được kể lại; giúp người đọc hình dung rõ nét không khí chiến trường và tinh thần dân tộc lúc bấy giờ. |
| ***Hướng dẫn học sinh tìm hiểu ý nghĩa của văn bản***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  Hồi kí không chỉ có chức năng thông tin mà còn chứa đựng tư tưởng. Hãy chỉ ra điều đó.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  Học sinh suy nghĩ, trả lời  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  Trình bày kết quả thảo luận nhóm  ***\*Bước 4: Đánh giá, kết luận***  GV nhận xét, bổ sung | **3. Ý nghĩa của văn bản**  - Ôn lại một sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước: Thay đổi phương châm tác chiến trước giờ nổ súng ở trận Điện Biên Phủ.  - Khơi gợi lòng tự hào về một chiến dịch vĩ đại của dân tộc, về những người chỉ huy anh hùng của thời đại, đặc biệt là Đại tướng Võ Nguyên Giáp.  - Gửi gắm bài học lịch sử sâu sắc về dân chủ nội bộ, về sự sáng tạo, về sự đồng tâm nhất trí cao độ của toàn quân, toàn dân trong những trận đánh lịch sử của dân tộc.  - Bồi đắp lòng yêu nước, tự hào dân tộc cho thế hệ trẻ ngày nay |
| ***Hướng dẫn học sinh:***  ***1. Khái quát các giá trị nổi bật của văn bản về nội dung và nghệ thuật.***  ***2. Khái quát đặc điểm thể loại thông qua văn bản và rút ra cách đọc***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV đặt các câu hỏi:  - Khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản.  - Theo em, khi đọc hồi kí, cần chú ý điều gì?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS suy nghĩ độc lập, tìm phương án trả lời.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  Đại diện một vài HS trình bày, HS khác nhận xét bổ sung.  ***\*Bước 4: Đánh giá, kết luận***  GV nhận xét câu trả lời của HS, định hướng kiến thức cần ghi nhớ | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Sự kiện Đại tướng Võ Nguyên Giáp quyết định thay đổi phương châm tác chiến từ "Đánh nhanh thắng nhanh" sang "Đánh chắc, tiến chắc" ngay trước giờ nổ súng ở chiến dịch Điện Biên Phủ. Đó là một quyết định sáng suốt, góp phần tạo nên chiến thắng lừng lẫy của chiến dịch Điện Biên Phủ, khẳng định tài quân sự của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, để lại nhiều bài học lịch sử về quân sự, chính trị.  **2. Nghệ thuật**  Có sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố hiện thực và nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, sinh động.  **3. Cách đọc hồi kí**  - Tìm hiểu về tác giả, hoàn cảnh sáng tác của văn bản  - Đọc và xác định:  + Sự kiện được nhắc đến trong hồi kí là gì  + Ai là người kể chuyện – nhân vật trải nghiệm của hồi kí  + Xác định các yếu tố hiện thực  + Nhận xét về nghệ thuật kể chuyện, chú ý đến thái độ, đánh giá, trải nghiệm của người viết  - Rút ra ý nghĩa và tư tưởng của văn bản |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu**: Củng cố những kiến thức đã học và vận dụng làm những bài tập câu hỏi mang tính nhận biết và thông hiểu.

**b. Sản phẩm**

- Câu trả lời của HS

- Sản phẩm làm việc nhóm…

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV đặt câu hỏi: Theo em, tại sao Đại tướng Võ Nguyên giáp lại cho rằng việc thay đổi phương châm tác chiến là "Quyết định khó khăn nhất"?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  Học sinh suy nghĩ, trả lời  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  Trình bày kết quả thảo luận nhóm  ***\*Bước 4: Đánh giá, kết luận***  GV nhận xét, bổ sung | **- Đó là quyết định khó khăn vì:**  + Ngay trước giờ nổi súng, tất cả đã được chuẩn bị sẵn sàng.  + Quyết định gấp gáp, cần thống nhất ngay  + Cần sự đồng thuận cao độ của các đồng chí trong Đảng ủy Mặt trận.  + Quyết định ảnh hưởng đến toàn quân, toàn dân, đến sự thành bại của cả chiến dịch; nếu không chính xác sẽ dẫn đến thất bại, trở thành tội đồ.  … |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** vận dụng và vận dụng ở mức độ cao những tri thức đã học để giải quyết những bài tập đòi hỏi múc độ tư duy cao hoặc những vẫn đề mang tính thực tiễn được gợi ra từ bài học.

**b. Sản phẩm**

- Câu trả lời của HS

- Sản phẩm làm việc nhóm.

**c. Tổ chức thực hiện**

***Bước 1: GV giao nhiệm vụ:***Theo anh chị, bài học sâu sắc đặt ra trong văn bản là gì? Điều đó có còn đúng với cuộc sống ngày nay?

***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS làm bài tập ở nhà.

***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

HS trình bày phần làm việc của mình vào giờ học sau

***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***

GV nhận xét câu trả lời của HS, định hướng câu trả lời.

|  |
| --- |
| **Tiết …: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**  **NGÔN NGỮ TRANG TRỌNG VÀ NGÔN NGỮ THÂN MẬT**  **(Tiếp theo)** |

|  |
| --- |
| **GIÁO VIÊN THAM GIA SOẠN** |
| 1. Nguyễn Thị Thu Hằng, Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định |
|  |

**I. Mục tiêu**

1. **Năng lực**

- HS Nhận biết được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong văn bản.

- Phân tích được lí do sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong tình huống giao tiếp cụ thể.

- Tạo lập được một văn bản phù hợp với tình huống giao tiếp.

**2**. **Phẩm chất**

- Biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

-Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. Thiết bị:** Phiếu học tập, bài trình bày của HS, bảng phụ.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập,...

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân để nhận biết về ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **Cách 1: PP vấn đáp**  - Ngôn ngữ trang trọng thường được sử dụng trong các giao tiếp như thế nào? Từ ngữ và câu văn trong ngôn ngữ trang trọng phải đảm bảo điều gì?  - Ngôn ngữ thân mật là kiểu ngôn ngữ thường được sử dụng ở đâu? Em có nhận xét gì về từ ngữ và kiểu câu trong ngôn ngữ thân mật?  **Cách 2: Trò chơi “Ai nhanh hơn”?**  - GV phát mỗi bàn 01 phiếu học tập.  Trong thời gian tối đa 03 phút, các bàn thảo luận để nối nhanh tên biện pháp với đặc điểm của biện pháp.   * Chỉ có 02 bàn nhanh nhất sẽ được dán đáp án lên bảng.   **\*/ Phiếu học tập: xếp các nội dung sau vào ô tương ứng.**  Thư công ty xin lỗi khách hàng vì sản phẩm lỗi; Báo cáo kết quả học tập; Thư điện tử gửi cho người thân; Thư điện tín gửi cho bạn bè; Lời phát biểu tại lễ tốt nghiệp cấp Trung học phổ thông; Lời phát biểu khai mạc hội nghị; Cuộc chuyện trò với bạn bè; Cuộc trò chuyện với mọi người trong gia đình.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Ngôn ngữ trang trọng | Ngôn ngữ thân mật | | Ngôn ngữ viết |  |  | | Ngôn ngữ nói |  |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, thực hiện yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Ở nhiệm vụ 1: GV gọi đại diện một số cá nhân HS phát biểu; các HS khác lắng nghe, bổ sung.  - Ở nhiệm vụ 2: GV cùng cả lớp chữa bài. GV cử 01 HS làm thư kí để tính điểm cho 02 bàn có kết quả nhanh nhất.  Bàn nào đúng nhiều đáp án hơn sẽ chiến thắng trong trò chơi.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **GV dẫn vào bài mới:** Ở bài 1 các em đã tìm hiểu về ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật, cách nhận biết hai loại ngôn ngữ này. Hôm nay các em làm bài luyện tập về ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật. | **Cách 1:**  **Một số biện pháp tu từ đã được học là:**  - Ngôn ngữ trang trọng thường được sử dụng trong các giao tiếp liên quan đến công việc chung như thuyết trình, giảng dạy, trao đổi ý kiến trong cuộc họp, phát biểu ý kiến trong lớp học… hoặc viết báo cáo, đơn từ, làm bài, viết bài nghiên cứu…Ngôn ngữ trang trọng thường được gọt giũa cẩn thận.  + Từ ngữ và câu văn trong ngôn ngữ trang trọng phải đảm bảo chuẩn mực về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và phong cách.  + Ngôn ngữ trang trọng ưu tiên sử dụng từ ngữ toàn dân.  - Ngôn ngữ thân mật là kiểu ngôn ngữ thường được sử dụng trong các giao tiếp hàng: trò chuyện, nhắn tin, viết thư, nhật kí. Ngôn ngữ thân mật thường sử dụng các từ ngữ có sắc thái gần gũi, dân dã, kiểu câu trong ngôn ngữ thân mật đa dạng, gồm cả câu đặc biệt, câu rút gọn.  **Cách 2**:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Ngôn ngữ trang trọng | Ngôn ngữ thân mật | | Ngôn ngữ viết | - Thư công ty xin lỗi khách hàng vì sản phẩm lỗi.  - Báo cáo kết quả học tập | **-** Thư điện tử gửi cho người thân.  - Thư điện tín gửi cho bạn bè. | | Ngôn ngữ nói | **-** Lời phát biểu tại lễ tốt nghiệp cấp Trung học phổ thông.  - Lời phát biểu khai mạc hội nghị. | **-** Cuộc chuyện trò với bạn bè;  - Cuộc trò chuyện với mọi người trong gia đình | |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**

- Phân biệt và biết cách sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong giao tiếp.

- Vận dụng được kiến thức về ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật để thực hiện các nhiệm vụ HT.

- NL giao tiếp và hợp tác: Thể hiện qua hoạt động làm việc cặp đôi, nhóm.

### *b. Nội dung: HS trao đổi, thảo luận để làm các bài tập SGK.*

**c. Sản phẩm:** Nội dung trả lời các bài tập 1, 2, 3, 4 (SGK/ tr. 100 - 101).

### *d. Tổ chức hoạt động*

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:**

**-** HS thảo luận để hoàn thành các bài tập p 1, 2, 3, 4 (SGK/ tr. 100 - 101).

- Mỗi bài tập GV dành khoảng 03 phút để HS thảo luận cặp đôi hoặc nhóm trong bàn, sau đó GV mời HS phát biểu.

**+ Bài tập 1**: Nhóm lẻ: câu a

Nhóm chẵn: câu b

+ **Bài tập 2**: Thảo luận theo bàn/ cặp đôi

+ **Bài tập 3**: Thảo luận theo tổ: Tổ 1: câu a; tổ 2: câu b; tổ 3: câu c

+ **Bài tập 4**: Thảo luận theo bàn/ cặp đôi

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận nhóm trong bàn/ cặp đôi.
* GV quan sát, động viên, khuyến khích.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV gọi đại diện một số HS phát biểu.

**-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

**Gợi ý**

**1. Bài tập 01 - Tr.100/ SGK**

*Văn bản*Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm*có sự kết hợp giữa ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật. Em hãy chỉ ra những đặc điểm của hai kiểu ngôn ngữ này trong đoạn trích sau:*

Đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong các văn bản:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Ngôn ngữ trang trọng** | **Ngôn ngữ thân mật** |
| **a** | - Thể hiện qua các từ ngữ toàn dân với nghĩa chính thống và lịch sự như: tiền tuyến, tuổi trẻ, Độc lập, Tự do, thanh niên, sáng ngời...  - Kết hợp với kiểu câu đảm bảo ngữ pháp, mang phong cách trang trọng: “Mình cũng như những thanh niên khác đã lên đường ra tiền tuyến, và tuổi trẻ qua đi giữa tiếng bom rơi đạn nổ.” | - Thể hiện qua cách xưng hô gần gũi của tác giả “mình”.  - Kết hợp với kiểu câu rút gọn “Ước mơ bây giờ là đánh thắng giặc Mỹ, là Độc lập, Tự do của đất nước” không có chủ ngữ. Ngôn ngữ thân mật thể hiện qua mục đích giao tiếp – viết nhật kí cá nhân. |
| **b** | - Thể hiện qua một số từ ngữ mang tính chất trang trọng, toàn dân như: thấm nặng, khao khát, ao ước, gia đình, con đường bom đạn, ô tô,...  - Kết hợp với kiểu câu đúng ngữ pháp, mang tính lịch sự “Con vẫn hiểu điều đó từ lúc bước chân lên chiếc ô tô đưa con vào con đường bom đạn” | - Thể hiện qua cách xưng hô gần gũi mẹ - con.  - Kết hợp một số từ ngữ mang sắc thái biểu cảm cao như: ôi! , mẹ của con, đến mức nào, yêu thương, nhớ thương,.. Kiểu câu đặc biệt, mang nhiều cảm xúc như: “Ôi! Có ai hiểu lòng con”. |

**2. Bài tập 02 - Tr.100/ SGK**

*Em hãy tìm những câu văn trong văn bản Khúc tráng ca nhà giàn (Xuân Ba) thể hiện thái độ và cảm xúc của tác giả đối với những cán bộ, chiến sĩ ngày đêm bám trụ ở nhà giàn giữa biển khơi. Những câu văn ấy mang màu sắc trang trọng hay thân mật? Vì sao?*

- Những câu văn trong văn bản Khúc tráng ca nhà giàn (Xuân Ba) thể hiện thái độ và cảm xúc của tác giả giả đối với những cán bộ, chiến sĩ nhà giàn:

+ “Ngạc nhiên khi được biết, cái nhà giàn chót vùng biển đất mũi Cà Mau cũng do quân của tướng Nam đây thiết kế thi công”

+ “Không biết anh em công binh làm cách nào mà thương lượng được với Hà Bá  hay vua Thủy Tề để cắm được hệ thống đài cọc vững vàng kiên cố như thế ?”

+ “ Có lẽ họ sẽ là ông tổ của những hậu duệ mai kia sẽ cắm hệ thống đài cọc hiện đại”

- Những câu văn trên mang màu sắc thân mật kết hợp với trang trọng. Bởi lẽ, màu sắc thân mật thể hiện ở cách xưng hô “anh em”, “quân tướng Nam đây”, cùng với các cụm từ mang nhiều giá trị biểu cảm “ngạc nhiên khi được biết”, “kiên cố như thế?”, “có lẽ”. Hầu hết các câu trên đều là câu rút gọn thành phần chủ ngữ. Màu sắc trang trọng thể hiện qua các từ ngữ phổ thông mang nghĩa đại chúng và lịch sự như : thiết kế, thi công, công binh, thương lượng, hệ thống đài cọc, vững vàng, kiên cố, hậu duệ, hiện đại.

**3. Bài tập 03 - Tr.100/ SGK**

*Các đoạn văn dưới đây đã sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật phù hợp chưa? Vì sao?*

a)Đoạn văn sử dụng ngôn ngữ trang trọng chưa phù hợp. Cụ thể ở đoạn “Viên vẫn ráng sức quần nhau”. Nguyên nhân là bởi, câu văn đang miêu tả một sự kiện hấp dẫn, kịch tính và vô cùng gay cấn. Vì vậy cần sử dụng ngôn ngữ thân mật, các từ ngữ mang sắc thái biểu cảm cao hơn như “dùng hết sức mình vật nhau” để thể hiện hợp lý mức độ gay cấn của sự việc.

b) Đoạn văn sử dụng ngôn ngữ thân mật chưa phù hợp. Cụ thể ở đoạn “Đúng quá đi chứ! Nào”. Nguyên nhân là do nội dung giao tiếp liên quan đến giảng dạy hoặc trao đổi ý kiến trong lớp học. Vì vậy, cần thay đổi thành ngôn ngữ trang trọng như “Quả thực là một lời nhận xét chính xác. Bây giờ, các em hãy cùng cô/thầy đi phân tích...”

c) Đoạn văn sử dụng ngôn ngữ trang trọng chưa hợp lý. Bởi vì đây là lời tâm sự giữa hai người, mục đích giao tiếp là trò chuyện với bạn bè, người thân. Vì vậy cần mang ngôn ngữ thân mật. Có thể thay “cháu chẳng còn gì duyên nợ” thành “Cháu không muốn dây dưa/ ở lại”

**4. Bài tập 04 - Tr.101/ SGK**

[*Để tham gia xét tuyển tại một trường đại học hoặc ứng tuyển một vị trí việc làm, em cần viết một bài luận hoặc một bức thư. Hãy chọn ngôn ngữ (trang trọng hoặc thân mật) phù hợp để viết bài luận hoặc bức thư đó.*](https://vietjack.com/soan-van-lop-12-cd/de-tham-gia-xet-tuyen-tai-mot-truong-dai-hoc-hoac-ung-tuyen.jsp)

Kính gửi Hội đồng xét tuyển, trường...

Em tên là :...

Thông qua bức thư này, em mong muốn trình bày nguyện vọng được theo học tại trường Đại học ....

Hiện nay, em đang theo học tại trường THPT.... Thông qua tin tức tuyển sinh của trường, em rất vui khi tìm thấy cơ hội học tập tại trường Đại học.... Em tin chắc rằng những kiến thức học được tại đây sẽ tạo cho em nhiều cơ hội phát triển sự nghiệp trong tương lai.

Em chọn theo học tại trường….vì em thực sự ấn tượng với chương trình học của trường. Tại đây, em có thể tiếp cận nhiều môn học khác nhau và tự do lập kế hoạch học tập. Trong chương trình học, có rất nhiều môn học còn mới mẻ với em vì em chưa từng được học trước đó. Đặc biệt, chương trình đào tạo môn....của trường luôn được đánh giá cao và môi trường học tập tại đây rất thân thiện, cởi mở.

Trong quá trình học dưới mái trường THPT, em nhận thấy mình rất hứng thú với chuyên ngành…. Em tin rằng những công cụ, nguồn lực tại đại học…. sẽ hỗ trợ em tiếp tục phát triển ngành học của mình.

Vì thế, em mong muốn ứng tuyển vào chuyên ngành.... của trường, đặc biệt là tập trung vào các môn học liên quan đến…

Chân thành cảm ơn nhà trường đã xem xét thư trình bày nguyện vọng của em. Rất mong nhận được phản hồi tích cực từ phía nhà trường !

Trân trọng!

Nguyễn Văn A

**3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b.** **Nội dung**: HS làm bài tập thực hành viết.

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập**

**Yêu cầu:** Viết một bức thư (khoảng 10 – 12 dòng) sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn, rèn luyện HS kĩ năng viết nhanh ngay tại lớp:

**Cách làm:**

+ Chọn đối tượng gửi thư.

+ Lựa chọn cách xưng hô trang trọng, hay thân mật.

+ Chỉ rõ các câu thể hiện ngôn ngữ trân trọng, ngôn ngữ thân mật.

+ Viết bức thư đảm bảo hình thức và nội dung theo yêu cầu.

- HS suy nghĩ, làm việc cá nhân theo hướng dẫn của GV:

Viết bức thư 🡪 Đọc lại 🡪 Chỉnh sửa.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS đổi bài theo nhóm đôi để đọc, đánh giá theo bảng kiểm cho trước.

Bảng kiểm đánh giá đoạn văn:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức bức thư với dung lượng khoảng 10 – 12 dòng. |  |  |
| **2** | Bức thư đúng chủ đề: sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật. |  |  |
| **3** | Đảm bảo tính liên kết giữa các phần trong bức thư. |  |  |
| **4** | Bức thư đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |  |

- GV gọi một số HS đọc bức thư đã chỉnh sửa của mình.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

**NHIỆM VỤ VỀ NHÀ**

* HS hoàn thiện các bài tập phần Thực hành Tiếng Việt.
* Chuẩn bị nội dung viết: *Viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí.*

**Ngày soạn:**

**Ngày giảng:**

**BÀI 3: NHẬT KÍ, PHÓNG SỰ, HỒI KÍ**

**PHẦN VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM KÍ**

|  |
| --- |
| **GIÁO VIÊN THAM GIA SOẠN** |
| 1. Tải Thị Thơ, Trường THPT số 1 Bắc Hà, Lào Cai |
| 2. Trịnh Thị Hồng Thủy, Trường THPT Bắc Đông Quan, Thái Bình |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- HS biết viết bài văn theo quy trình: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; chỉnh sửa bài viết, rút kinh nghiệm;

- HS viết được bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

- Sống nhân ái, trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 12, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, thực hiện phiếu học tập số 1, 2.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**c. Tổ chức thực hiện:**

***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV tổ chức cho HS chơi “Nhanh như chớp” trả lời các câu hỏi ngắn về dạng bài nghị luận so sánh, đánh gia hai tác phẩm, đặc trưng thể kí.

Câu 1: **“Viết bài nghị luận so sánh đánh giá hai tác phẩm là chỉ trình bày những điểm tương đồng và khác biệt của hai văn bản”** là đúng hay sai?

ĐA: Sai. Vì điểm tương đồng và khác biệt, **hoặc chỉ tương đồng** hay khác biệt của hai văn bản.

**Câu 2: Với dạng bài nghị luận so sánh, đánh gia hai tác phẩm thì thao tác nghị luận nào có vai trò đặc biệt quan trọng?**

ĐA: So sánh

**Câu 3: “So sánh để hướng tới mục đích xem tác phẩm nào có giá trị hơn tác phẩm nào” là đúng hay sai?**

Đa: Sai. So sánh để nhận ra những khác biệt sự đa dạng trong cách nhìn và cảm thụ về đời sống so sánh về làm rõ vấn đề văn học trong tác phẩm

**Câu 4: Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm có mấy bước?**

ĐA: 3 bước

**Câu 5: Ghi chép theo thứ tự ngày tháng về những sự kiện của đời sống mà tác giả là người trực tiếp tham gia hay chứng kiến là thể gì của kí?**

ĐA: Nhật kí

**Câu 6: Tính phi hư cấu trong kí được thể hiện ở những sự kiện như thế nào?**

ĐA: Những sự kiện có thực về thời gian địa điểm số liệu mà người viết đã trực tiếp tham gia hay chứng kiến.

***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS giơ tay để trả lời.

***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

Hs trả lời cá nhân.

***\*Bước 4: Đánh giá, kết luận***

*Từ phần trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí.*

**HOẠT ĐỘNG 2. TÌM HIỂU ĐỊNH HƯỚNG VIẾT**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết Một số tri thức về thể loại và yêu cầu cụ thể khi viết

**b. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời, phần trình bày của học sinh.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Tiết 1**  **1. Hoạt động giới thiệu tri thức thể loại và các bước để viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ:** Hoạt động cá nhân: Em hãy đọc phần định hướng SGK (trang 101), phần Tri thức ngữ văn (trang 81, 82), SGK trang 36-37, rồi trả lời những câu hỏi sau:  *1. Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về kiểu bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí.*  *2. Chỉ ra tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật trong kí.*  *3. Nêu các bước để viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí.*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  \* Hs chia sẻ  ***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***   * HS trả lời câu hỏi. * Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn   ***Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  GV: nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm, chuẩn hóa kiến thức.  **NV2:** **Tiến trình viết**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ:Hs nêu lại các bước viết theo tiến trình.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  \* Hoạt động cá nhân: HS gợi nhớ kiến thức  ***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***   * HS trả lời câu hỏi. * Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn   ***Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  GV: nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm, chuẩn hóa kiến thức. | **1. Một số tri thức về thể loại và các bước để viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí**  \* Một số tri thức về thể loại  - Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí là làm bài văn nghị luận nêu lên, làm rõ những điểm giống nhau và khác nhau về nội dung, hình thức của hai tác phẩm kí bằng các luận điểm lí lẽ và dẫn chứng cụ thể.  - Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí có thể so sánh, đánh giá cả nội dung, hình thức của hai tác phẩm hoặc chỉ so sánh, đánh giá một số yếu tố nội dung hoặc hình thức trong toàn bộ tác phẩm kí hoặc trong hai đoạn trích tiêu biểu.  \* Các bước để viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí:  -B1: Xác định đối tượng, phạm vi so sánh  - B2: + Phân tích điểm giống nhau , khác nhau hoặc cả giống và khác nhau gữa hai tác phẩm kí.  + Chỉ ra ý nghĩa của sự giống nhau và khác nhau, từ đó giúp người đọc nhận thấy tính độc đáo, đặc sắc riêng của từng tác phẩm.  - B3: + Bình luận, lí giải nguyên nhân dẫn đến sự giống nhau và khác nhau giữa hai tác phẩm.  + Rút ra những nhận thức về đặc điểm thể loại, vai trò của cá tính sáng tạo,…  **2. Tiến trình viết**  **Trước khi viết**  - Lựa chọn đề tài  - Tìm ý  - Lập dàn ý  **Viết bài**  **Chỉnh sửa bài viết** |

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH VIẾT**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các viết bài văn.

**b. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***1. Hoạt động hướng dẫn thực hành***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *Nhiệm vụ 1:* Hoạt động cá nhân: Dựa trên phiếu học tập số 2, em hãy xác định các yêu cầu của đề.  ***Nhiệm vụ 2.***  Hoạt động nhóm:  - Trên cơ sở phiếu số 2 đã thực hiện ở nhà, học sinh thảo luận nhóm 3, phiếu số 4.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thảo luận, suy nghĩ, tìm ra câu trả lời.  - HS thảo luận và thống nhất ý kiến, ghi lại kết quả của cả nhóm.  ***B3: Báo cáo kết quả và thảo luận***   * HS trả lời câu hỏi. * Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn   ***Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.  - Gv hướng dẫn học sinh viết đoạn mở bài trên lớp. Yêu cầu HS tiếp tục hoàn thiện bài viết văn ở nhà.  - Gv mời 2-3 HS đọc mở bài, Hs khác nhận xét, chỉnh sửa.  **Tiết 2**  ***1. Hoạt động chỉnh sửa bài viết***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *Nhiệm vụ 1:* Hoạt động cá nhân: Dựa trên phiếu chỉnh sửa bài viết, em hãy đọc bản thảo bài viết (đã viết ở nhà) và chỉnh sửa nếu cần thiết  ***Nhiệm vụ 2.***  Hoạt động nhóm đôi:  - Trên cơ sở phiếu chỉnh sửa bài viết cho nhau, học sinh đọc, chỉnh sửa bài viết cho bạn.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS chỉnh sửa bài viết  - HS thảo luận và thống nhất ý kiến, ghi lại kết quả chỉnh sửa bài viết cho bạn.  ***B3: Báo cáo kết quả và thảo luận***   * HS trả lời câu hỏi. * Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn   ***Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  GV: nhận xét đánh giá kết quả của cá nhân, các nhóm, chuẩn hóa kiến thức. | **1. Hướng dẫn thực hành**  **Bài tập:** Hãy so sánh nghệ thuật trần thuật của các tác giả qua hai đoạn trích “Nhật kí Đặng Thùy Trâm” (Đặng Thùy Trâm) và “Một lít nước mắt” (Ki –tô A-ya)  **\* Trước khi viết**  ***Bước 1.Huy động tri thức nền***  ***Bước 2. Phân tích đề***  ***- Dạng đề:*** *nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí.*  ***- Vấn đề NL:*** *so sánh nghệ thuật trần thuật của các tác giả*  ***- Thao tác NL:*** *So sánh, chứng minh, giải thích, bình luận,...*  ***- Phạm vi DC:*** *hai đoạn trích “Nhật kí Đặng Thùy Trâm (Đặng Thùy Trâm) và Một lít nước mắt (Ki –tô A-ya)*  ***Bước 3: Tìm ý và lập dàn ý***  ***Gợi ý:***  **- Phân tích đặc điểm người kể chuyện và nội dung hai đoạn trích:**  + Nhật ký Đặng Thùy Trâm: tâm sự của nữ bác- sĩ chiến sĩ Đặng Thùy Trâm ở chiến tuyến trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.  + Một lít nước mắt: tâm sự của nữ sinh người Nhật Bản Ki-tô A-ya khi đối mặt với căn bệnh bại não  - Phân tích những điểm giống nhau và khác nhau trong nghệ thuật trần thuật:  + Giống nhau: cùng sử dụng thủ pháp nghệ thuật trần thuật kết hợp với miêu tả, nghị luận, trữ tình nhằm làm nổi bật trải nghiệm,suy nghĩ, tâm trạng của mỗi tác giả.  + Khác nhau: *Nhật ký Đặng Thùy Trâm* thiên về quan sát và bộc lộ ước mơ lý tưởng tình cảm của người bác sĩ -chiến sĩ trên mặt trận; trong khi *Một lít nước mắt* tập trung ghi lại các trải nghiệm bệnh tật, giải thích cảnh ngộ, bộc lộ nỗi đau tâm trạng cô đơn cảm giác bất lực trước căn bệnh nan y.  **- Phân tích những điểm giống nhau và khác nhau trong lời trần thuật giống nhau lời trần thuật:**  + Giống nhau: lời văn trung thực, riêng tư, lôi cuốn.  + Khác nhau: *Nhật ký Đặng Thùy Trâm* có lời văn nồng nhiệt, mãnh liệt trong khi *Một lít nước mắt* có lời văn tha thiết, xót xa, xúc động.  - Đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các thủ pháp trần thuật: làm nổi bật những trải nghiệm, diễn biến tâm trạng, vẻ đẹp tâm hồn riêng của các chủ thể trần thuật.  **\* Viết bài**  - Học sinh viết mở bài trên lớp  Gợi ý: phần mở bài giới thiệu tác giả, tác phẩm có vấn đề nghị luận đặt ra. Nêu vấn đề: Điểm tương đồng và khác biệt trong nghệ thuật trần thuật qua hai nhật kí của hai tác giả.  - HS đọc mở bài, chỉnh sửa.  - Hs tiếp tục hoàn thiện bài viết văn ở nhà  **2. Chỉnh sửa bài viết**  Học sinh chỉnh sửa theo phiếu hướng dẫn |

**HOẠT ĐỘNG 4: TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**c. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết bài, giám sát dàn ý đã lập.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1. Rút ra cách viết kiểu văn bản***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  Hoạt động cá nhân:  1. Qua phần thực hiện nhiệm vụ, em hãy khái quát dàn ý của bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí?  2. Em hãy chia sẻ kinh nghiệm vận dụng tổng hợp các thao tác nghị luận trong bài viết văn?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thảo luận, suy nghĩ, tìm ra câu trả lời.  ***B3: Báo cáo kết quả và thảo luận***   * HS trả lời câu hỏi. * Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn   ***Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.  ***2.Củng cố, mở rộng***  *- GV hướng dẫn HS trau dồi kinh nghiệm và trải nghiệm của bản thân để làm tốt hơn dạng bài này* | 1. **Rút ra cách viết kiểu văn bản**   Hs chọn cách hệ thống kiến thức phù hợp (vẽ sơ đồ tư duy, bảng biểu,..)   1. **Củng cố, mở rộng**   Hs làm phần b SGK trang 103 ở nhà |

**Mở bài tham khảo**

Nếu “Nhật kí Đặng Thùy Trâm” (Đặng Thùy Trâm) được viết tại chiến trường trong thời hoa lửa, tuy khốc liệt, đau thương nhưng vẫn sáng ngời ngọn lửa khát khao, cháy bỏng vì nền hòa bình, độc lập, tự do của dân tộc thì “Một lít nước mắt” (Ki –tô A-ya) lại được ghi chép lại trên những trang giấy thấm đẫm nước mắt đớn đau, run rẩy của một đôi tay đang ngày càng kiệt sức vì căn bệnh quái ác. Nếu người kể chuyện trong “Nhật kí Đặng Thùy Trâm” là một bác sĩ quân y tại nơi chiến trường mịt mù đạn bom thì “Một lít nước mắt” lại là một nữ sinh trung học đang vô tư, hồn nhiên ở độ tuổi mười lăm bỗng trở thành nạn nhân của một căn bệnh thoái hóa tiểu não. Hai cuốn nhật kí mang những đặc sắc riêng nhưng cả hai đều truyền cảm hứng sâu sắc nhất cho biết bao thế hệ con người đang còn sống, dù ở bất kì hoàn cảnh nào. Lần giở từng trang nhật kí này, ta sẽ cảm nhận được những điểm tương đồng và khác biệt trong nghệ thuật trần thuật của hai tác giả.

**PHIẾU HỌC TẬP 1. Chuần bị viết**

**Đề văn:** *Hãy so sánh nghệ thuật trần thuật của các tác giả qua hai đoạn trích “Nhật kí Đặng Thùy Trâm” (Đặng Thùy Trâm) và “Một lít nước mắt” (Ki –tô A-ya)*

**Nhiệm vụ:** Em hãy đọc kĩ đề bài, huy động những điều em biết về nhật kí bằng cách hoàn thiện phiếu sau:

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU ĐỀ (CÁ NHÂN)**

**Đề văn:** *Hãy so sánh nghệ thuật trần thuật của các tác giả qua hai đoạn trích “Nhật kí Đặng Thùy Trâm” (Đặng Thùy Trâm) và “Một lít nước mắt” (Ki –tô A-ya)*

**Nhiệm vụ:** Em hãy đọc kĩ đề bài, gạch chân những từ ngữ quan trọng trong đề và hoàn thành bảng dưới đây:

**PHIẾU SỐ 3: HƯỚNG DẪN TÌM Ý (CÁ NHÂN)**

**Đề văn:** *Hãy so sánh nghệ thuật trần thuật của các tác giả qua hai đoạn trích “Nhật kí Đặng Thùy Trâm” (Đặng Thùy Trâm) và “Một lít nước mắt” (Ki –tô A-ya)*

**Nhiệm vụ: Em hãy đọc kĩ đề và trả lời câu hỏi dưới đây:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu hỏi | Nhật kí Đặng Thùy Trâm | Một lít nước mắt |
| 1. Em hãy xác định đặc điểm của người kể chuyện trong hai đoạn trích?(Công việc, hoàn cảnh sống) |  |  |
| 2.Chỉ ra những trải nghiệm, suy nghĩ, tâm trạng của mỗi tác giả. |  |  |
| 3. Thủ pháp trần thuật kết hợp giữa kể chuyện với miêu tả, nghị luận, trữ tình trong nhật ký của hai tác giả biểu hiện như thế nào? |  |  |
| 4. Em có nhận xét đánh giá như thế nào về lời trần thuật và hiệu quả của thủ pháp nghệ thuật kết hợp trần thuật với miêu tả nghị luận trữ tình của hai tác giả? |  |  |

=> ***Từ những câu trả lời trên, em hãy chỉ ra những điểm giống và khác nhau trong nghệ thuật trần thuật, trong lời trần thuật của hai tác giả?***

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

**HƯỚNG DẪN TÌM LUẬN ĐIỂM, LUẬN CỨ**

**Đề văn: *Hãy so sánh nghệ thuật trần thuật của các tác giả qua hai đoạn trích “Nhật kí Đặng Thùy Trâm” (Đặng Thùy Trâm) và “Một lít nước mắt” (Ki –tô A-ya)***

**Nhiệm vụ : Hãy trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ cho đề văn bằng cách hoàn thiện sơ đồ:**

Luận điểLuận điểm 2.... ...

.... .................................................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**  **Nhiệm vụ: Rà soát lại bài viết theo những câu hỏi ở cột số 1 và gợi ý chỉnh sửa ở cột số 2, nếu cần thiết, em hãy chữa lại sang cột số 3** | | |
| **Câu hỏi đánh giá** | **Gới ý chỉnh sửa bài viết** | **Chữa lại** |
| 1. Phần mở bài đã giới thiệu tác giả, tác phẩm có vấn đề nghị luận đặt ra chưa? Mở bài nêu vấn đề được đưa ra bàn bạc chưa? | - Khoanh tròn vào tên tác giả, tác phẩm có vấn đề nghị luận đặt ra Gạch chân dưới câu (một số câu) vấn đề được đưa ra bàn bạc.  - Thêm tên tên tác giả, tác phẩm có vấn đề nghị luận đặt ra. Chỉnh sửa câu (một số câu) nêu vấn đề được đưa ra bàn bạc |  |
| 2. Mỗi đoạn trong phần thân bài có nêu luận điểm của bài viết không? | - Gạch chân vào câu nêu luận điểm của bài văn.  - Nên chuyển câu nêu luận điểm lên vị trí đầu đoạn văn.  - Nếu cần thiết, hãy ghi lại câu luận điểm cho rõ ý |  |
| 3. Mỗi luận điểm có được làm sáng tỏ bằng các lí lẽ và dẫn chứng không? | - Khoanh tròn vào dẫn chứng được trích dẫn từ văn học hoặc cuộc sống  - Gạch chân dưới các lí lẽ (giải thích, phân tích, bình luận…)  - Nếu có thể, bổ sung thêm dẫn chứng, lí lẽ để bài viết sâu sắc, thuyết phục hơn. |  |
| 4. Bài viết đã nêu hiệu quả của việc sử dụng các thủ pháp trẩn thuật chưa? | - Đánh dấu vào hiệu quả của việc sử dụng các thủ pháp trẩn thuật  - Nếu có thể, hãy bổ sung thêm các hiệu quả của việc sử dụng các thủ pháp trẩn thuật |  |
| 5. Phần kết bài đã khẳng định ý nghĩa của vấn đề chưa? | - Đánh dấu một ngôi sao bên cạnh câu khẳng định ý nghĩa của vấn đề, đánh dấu hai ngôi sao ở câu mở rộng.  - Nếu có thể, hãy thêm câu bên cạnh câu khẳng định ý nghĩa của vấn đề và câu mở rộng, nâng cao vấn đề. |  |
| 6. Bản thảo có mắc lỗi diễn đạt không?  Cách xưng hô trong bài viết đã phù hợp chưa? | - Rà soát và sửa lại lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, sử dụng các từ nối liên kết…trong bài viết.  - Xem lại cách xưng hô trong bài viết, nếu chưa phù hợp, hãy thay đổi. |  |
| **PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT CHO NHAU**  Họ tên người chỉnh sửa:……………….……………………  Họ tên người viết:…………………………………………..…  Nhiệm vụ: Em hãy đọc bài viết của bạn và giúp bạn chỉnh sửa bằng cách trả lời các câu hỏi sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Mục chỉnh sửa | Câu hỏi | Có | Không | | Nội dung | 1. Bài viết đã giới thiệu vấn đề cần nghị luận chưa? |  |  | | 2. Bài viết đã triển khai các luận điểm làm sáng tỏ vấn đề nghị luận chưa? |  |  | | 3. Các luận điểm trong bài viết đã được làm rõ bằng lí lẽ chưa? |  |  | | 4. Bài viết có trích dẫn và phân tích dẫn chứng không? |  |  | | Phương thức biểu đạt | 1. Bài viết đã dùng phương thức nghị luận chưa?  2. Bài viết có yếu tố biểu cảm không?  3. Cách xưng hô trong bài viết đã phù hợp chưa? |  |  | | Hình thức | 1. Bài viết đảm bảo cấu trúc bài văn không? |  | | | 2. Bài viết có mắc lỗi chính tả không? |  | |   *Nhận xét chung*:…………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………….  …………………………………………………………………………………. | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | |  |  | | --- | --- | | **Ngày soạn:** | **Tuần:** | | **Ngày dạy:** | **Tiết:** | | **Lớp dạy:** | **Tên chủ đề:**  **BÀI 3:**  **NHẬT KÝ, PHÓNG SỰ, HỒI KÝ**  **KỸ NĂNG NÓI VÀ NGHE:**  **TRÌNH BÀY VỀ SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM KÍ** | |

|  |
| --- |
| **GIÁO VIÊN THAM GIA SOẠN** |
| 1. Ngô Thanh Thìn, THPT Nguyễn Trãi, Hà Nội |
|  |

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

***Sau tiết học này, học sinh sẽ biết***

**1. Kiến thức**

Giúp học sinh:

- Dựa trên bài viết so sánh, đánh giá hình thức và nội dung của 2 tác phẩm kí, các em sẽ chuyển nội dung bài viết thành bài thuyết trình. Dựa trên dàn ý ở phần Viết, suy nghĩ để tìm ý hoặc bổ sung ý mới, điều chỉnh dàn ý cho mạch lạc, phù hợp, chọn điểm trọng tâm/ yêu thích để tập trung khi trình bày, tạo điểm nhấn cho bài thuyết trình.

- Nắm bắt nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói, nêu được nhận xét đánh giá và nội dung cách thức thuyết trình, biết đặt câu hỏi về những điều cần làm rõ.

- Biết thảo luận về giá trị của 2 tác phẩm kí một cách có hiệu quả và có văn hóa.

**2. Năng lực**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Năng lực chung*** | ***Năng lực đặc thù*** |
| - Năng lực tự chủ và tự học: chủ động, tích cực hoàn thành các nhiệm vụ học tập do giáo viên chuyển giao trước khi đến lớp ở hoạt động hình thành kiến thức, hoạt động luyện tập, vận dụng; hiểu được ý nghĩa của việc trình bày so sánh hai tác phẩm văn học nói chung và 2 tác phẩm kí nói riêng; nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên, bạn bè góp ý.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: chủ động, tự tin trao đổi thông tin với các thành viên trong nhóm, lớp và giáo viên; sử dụng ngôn ngữ nói kết hợp với ngôn ngữ cơ thể cho phù hợp với bối cảnh và người nghe; lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân, của từng thành viên trong nhóm và của cả nhóm trong công việc.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; lắng nghe và tiếp nhận thông tin với sự cân nhắc, chọn lọc. | - Nắm được lý thuyết và kỹ năng về so sánh hai tác phẩm văn học nói chung và 2 tác phẩm kí nói riêng, hình thành kĩ năng lắng nghe tích cực  - Thực hành trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học nói chung và 2 tác phẩm kí nói riêng. Khi trình bày, ngôn ngữ, giọng điệu… phải bám sát mục đích bài nói, cần trình bày rõ ràng, thuyết phục các biểu hiện, nêu các lí lẽ và bằng chứng xác thực để làm sáng tỏ. |

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: tích cực và sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

- Yêu quý, tự hào, có trách nhiệm với quê hương, đất nước; trân trọng biết ơn các thế hệ đi trước.

- Tình yêu dành cho văn học.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập,...

**2. Học liệu:** SGK Ngữ văn 12, Cánh Diều, tập 1; sách bài tập Ngữ văn 12, tập 1; sách tham khảo “Văn bản Ngữ văn 12”…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG VÀ XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ HỌC TẬP**

**(Dự kiến thời gian: 5 phút)**

**a. Mục tiêu:** tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn để thu hút sự tập trung chú ý, hứng thú của học sinh vào bài học.

**b. Sản phẩm:** Học sinh hoàn thiện bài tập theo yêu cầu của giáo viên.

**c. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Ở tiết học trước, GV chuẩn bị khoảng 20 thẻ bìa cứng, phát cho 4 nhóm mỗi nhóm 5 thẻ mang về nhà chuẩn bị.

GV nêu yêu cầu:

- Mỗi nhóm soạn 5 câu hỏi lần lượt xoay quanh thể loại Nhật Kí, đặc trưng kiểu bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí và nội dung, nghệ thuật 2 trích đoạn tác phẩm *Nhật Kí Đặng Thùy Trâm* và *Một lít nước mắt.*

- Thiết kế và viết câu hỏi vào thẻ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc theo nhóm, soạn câu hỏi và thiết kế thẻ đố tri thức.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV tổ chức cho các nhóm bốc thăm và thi đố.

+ Mỗi nhóm sẽ có 02 lượt thi.

+ Mỗi lượt sử dụng 01 bộ thẻ đố

|  |  |
| --- | --- |
| **Lượt thi đố** | **Kết quả** |
| Nhóm 1 |  |
| Nhóm 2 |  |
| Nhóm 3 |  |
| Nhóm 4 |  |

- Các nhóm trả lời câu đố theo các bộ thẻ đố

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV nhận xét các câu đố và cách thiết kế các thẻ đố tri thức sau đó dẫn dắt vào bài mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Mục tiêu:**

- Hiểu thế nào là so sánh hai tác phẩm văn học nói chung và 2 tác phẩm kí nói riêng; làm thế nào để so sánh hai tác phẩm văn học nói chung và 2 tác phẩm kí nói riêng.

- Thực hành trình bày so sánh hai tác phẩm văn học nói chung và 2 tác phẩm kí nói riêng.

- Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Nhận ra ý nghĩa của việc so sánh hai tác phẩm văn học nói chung và 2 tác phẩm kí nói riêng

- Chăm chỉ, tích cực trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

**Hoạt động 1: Định hướng (Dự kiến thời gian 5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Hiểu được khái niệm và những lưu ý cơ bản trong so sánh hai tác phẩm văn học nói chung và 2 tác phẩm kí nói riêng

**b. Nội dung:** Đọc văn bản; trả lời câu hỏi trong phiếu học tập.

**c. Sản phẩm**: Bài trình bày sản phẩm theo yêu cầu của GV (bằng miệng hoặc kết hợp phiếu học tập).

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Yêu cầu cần đạt của HS** |
| GV yêu cầu HS đọc và chuẩn bị trước ở nhà phần Định hướng chung trong SGK.  **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  + *Thế nào là trình bày về so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí?*  *+ Để thuyết trình về so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí, các em cần chú ý những gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  -GV yêu cầu HS trả lời phiếu học tập số 01 (đã làm ở nhà):   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01**  **Căn cứ vào phần định hướng (sgk), hãy hoàn thiện bảng sau về khái niệm và yêu cầu của bài trình bày về so sánh, đánh giá hai tác phẩm Kí.**   |  |  | | --- | --- | | Khái niệm |  | | Xác định nội dung |  | | Xác định đối tượng |  | | Xác định thời lượng |  | | Lập dàn ý |  | | Các phương tiện hỗ trợ |  | | Những vấn đề còn băn khoăn |  | |   **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. (*Bám vào kiến thức ngữ văn sgk)***  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Yêu cầu 1 đến 2 HS báo cáo sản phẩm và nhận xét cho nhau.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  -GV nhận xét phần trả lời của HS, cho HS đọc lại phần định hướng sgk và chốt lại kiến thức. | **1.** **Định hướng:**  a). Trong phần Viết, các em đã được hướng dẫn cách làm bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hình thức và nội dung của 2 tác phẩm kí. Ở phần Nói và nghe, các em chuyển nội dung bài viết thành bài thuyết trình.  b). Để trình bày về so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí, các em cần chú ý:  - Xem lại dàn ý và bài viết đã thực hiện ở phần Viết, suy nghĩ để tìm ý hoặc bổ sung ý mới, điều chỉnh dàn ý cho mạch lạc, phù hợp, chọn điểm trọng tâm/ yêu thích để tập trung khi trình bày, tạo điểm nhấn cho bài thuyết trình.  - Xác định mục đích, bối cảnh, đối tượng nghe thuyết trình để có hình thức trình bày phù hợp.  **-**HS nắm được khái niệm; những chú ý khi so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí (Bám vào phần định hướng sgk)   |  |  | | --- | --- | | Khái niệm | Thuyết trình về so sánh, đánh giá hai tác phẩm Kí là trình bày rõ ràng bằng lời về một hoặc một số phương diện liên quan đến việc đối chiếu, nhận định giá trị nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm Kí. | | Xác định nội dung | *Lựa chọn vấn đề và tìm hiểu kĩ: giá trị nổi bật về nội dung và nghệ thuật.* | | Xác định đối tượng | *Đặc điểm người nghe* | | Xác định thời lượng | *Thời lượng chi phối nội dung và cách trình bày* | | Lập dàn ý | *Lập ý rõ ràng, ngắn gọn* | | Các phương tiện hỗ trợ | *Ngôn ngữ nói và các yếu tố phi ngôn ngữ* | | Những vấn đề còn băn khoăn | ***……………*** | |
| -GV cho HS đọc lại phần định hướng sgk và chốt lại kiến thức. | Để trình bày về so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí, các em cần chú ý:  - Lựa chọn vấn đề định giới thiệu.  - Tìm hiểu kỹ vấn đề.  - Xác định rõ đối tượng nghe để thuyết trình phù hợp.  - Xác định thời gian trình bày bài thuyết trình.  - Tìm ý và lập dàn ý  - Các phương tiện hỗ trợ, kết hợp ngôn ngữ nói với các yếu tố phi ngôn ngữ.  - Người nghe chuẩn bị câu hỏi để thảo luận. |

**HOẠT ĐỘNG 2: TÌM HIỂU ĐỊNH HƯỚNG NÓI VÀ NGHE**

**a) Mục tiêu:**

**-** Biết thuyết trình về so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí.

- Luyện kĩ năng nói cho HS.

- Giúp HS nói đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.

**b)** **Nội dung:**

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm thuyết trình của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV:** Trước khi nói, các em cần chuẩn bị gì?  - Bài nói nhằm mục đích gì?  - Đối tượng người nghe mà các em muốn hướng đến là ai?  - Lựa chọn không gian để thực hiện bài nói?  - Dự kiến thời gian trình bày bài nói trong bao nhiêu phút?  - Dự kiến hình thức trình bày bài nói: trình bày theo kiểu thuyết trình truyền thống hay kết hợp với trình chiếu slide, hình ảnh, video,…?  - Em có dự kiến trước về giọng nói, điệu bộ, cử chỉ, nét mặt,… cho phù hợp với bài nói hay không?  GV yêu cầu 1-2 học sinh lên chia sẻ suy nghĩ của bản thân  HS và GV khám phá 1 đề tài minh họa  Hãy so sánh nghệ thuật trần thuật của các tác giả qua hai đoạn trích “Nhật kí Đặng Thùy Trâm” (Đặng Thùy Trâm) và “Một lít nước mắt” (Ki-tô A-ya).  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, tráo dàn ý bài thuyết trình để kiểm tra, góp ý cho nhau.  - HS tự kiểm tra lại các phương tiện hỗ trợ cho bài thuyết trình (tranh ảnh, máy chiếu,..)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện yêu cầu của GV trong thời gian 05 phút.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, chốt lại những nội dung cơ bản  **Bước 1: giao nhiệm vụ:**  Để có một bài nói thành công, không có nghĩa là các em đọc lại từng chữ trong bài viết đã chuẩn bị sẵn mà cần phải có rất nhiều yếu tố bổ trợ như: giọng nói, các phương tiện phi ngôn ngữ, người nghe, không gian, thời gian,…. Vậy làm thế nào để có thể thể hiện một cách tốt nhất bài nói của mình, cô và các em sẽ cùng bước vào phần thực hành nói ngay sau đây.  - Dựa trên Dàn ý đã chuẩn bị. Học sinh luyện tập nói theo cặp, để rút kinh nghiệm cho nhau (Thực hiện trong 10 phút)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  +Đại diện học sinh trình bày.  +Người nghe chú ý lắng nghe góp ý cho bạn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV gọi 1 – 2 cặp học sinh lên chia sẻ những kinh nghiệm mà mình rút ra trong quá trình luyện tập nói để có một bài nói thành công.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét, chốt lại những nội dung cơ bản | **1. Chuẩn bị nói.**  - Mục đích nói:  + Giới thiệu, trình bày về so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí, các em cần chú ý cho người khác hiểu, đồng cảm với quan điểm, ý kiến của mình.  + Thể hiện được sự hiểu biết, cảm xúc của bản thân về tác phẩm.  - Người nghe: thầy cô, bạn bè, những người quan tâm đến vấn đề mình đang trình bày,…  - Không gian trình bày bài nói: lớp học.  - Thời gian nói: 5 – 7 phút.  - Hình thức trình bày: thuyết trình truyền thống. (hoặc kết hợp với  powerpoint, video, tranh ảnh nếu như học sinh đã chuẩn bị trước)  - Dự kiến trước giọng nói, điệu bộ, cử chỉ, nét mặt,… phù hợp với nội dung nói.  **2. Tìm ý, lập dàn ý và luyện tập nói.**  **a.Tìm ý**  Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi.  - Đối tượng so sánh: Nghệ thuật trần thuật  - Phạm vi so sánh: Hai đoạn trích  - Những chi tiết liên quan đến sự kiện, miêu tả, nghị luận trữ tình trong hai đoạn trích.  + Đoạn trích “Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm”:  + Đoạn trích “Một lít nước mắt”  - Đánh giá hiệu quả.  **b. Lập dàn ý.**   |  |  | | --- | --- | | Mở bài | Nêu vấn đề: những điểm tương đồng và khác biệt trong nghệ thuật trần thuật qua hai nhật kí của Đặng Thuỳ Trâm và Ki-tô-A-ya | | Thân bài | -Phân tích đặc điểm người kể chuyện và nội dung hai đoạn trích:  + Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm: tâm sự của nữ bác sĩ-chiến sĩ Đặng Thuỳ Trâm ở chiến tuyến trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.  +Một lít nước mắt: tâm sự của nữ sinh người Nhật Bản Ki-tô A-ya khi đối mặt với bệnh bại não.  -Phân tích những điểm giống và khác nhau trong nghệ thuật trần thuật:  + Giống nhau: cùng sử dụng thủ pháp trần thuật kết hợp với miêu tả, nghị luận, trữ tình nhằm làm nổi bật trải nghiệm, suy nghĩ và tâm trạng của mỗi tác giả.  + Khác nhau: Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm thiên về quan sát và bộc lộ ước mơ, lí tưởng, tình cảm của người bác sĩ-chiến sĩ trên mặt trận; trong khi “Một lít nước mắt” tập trung ghi lại những trải nghiệm bệnh tật, giải thích cảnh ngộ, bộc lộ nỗi đau, tâm trạng cô đơn, cảm giác bất lực trước căn bệnh nan y.  -Phân tích những điểm giống và khác nhau trong lời trần thuật  + Giống nhau: lời văn trung thực, thành thật, riêng tư, lôi cuốn  + Khác nhau: Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm có lời văn nồng nhiệt, mãnh liệt trong khi “Một lít nước mắt” có lời văn tha thiết, xót xa, đầy xúc động  -Đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các thủ pháp trần thuật: làm nổi bật những trải nghiệm, diễn biến tâm trạng, vẻ đẹp tâm hồn riêng của các chủ thể trần thuật. | | Kết bài | Đánh giá khái quát: nghệt thuật trần thuật kết hợp với miêu tả, nghị luận và trữ tình góp phần thể hiện chân thực cuộc sống, vẻ đẹp nội tâm của hai tác giả, làm nên sức lôi cuốn mãnh liệt của hai cuốn nhật kí. |   **c. Thực hành nói - nghe.**  **Báo cáo bài thuyết trình: Trình bày về so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí**  **a. Người nói**  - Trình bày bài thuyết trình về so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí đảm bảo nội dung và hình thức trình bày.  - Chú ý sự kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ; lời nói, giọng điệu, cử chỉ, nét mặt, tốc độ nói.  **b. Người nghe**  **-** Lắng nghe, ghi chép theo Phiếu ghi chép.  - Tôn trọng người trình bày.  Yêu cầu:   |  |  | | --- | --- | | **Người nói** | **Người nghe** | | - Có thái độ nghiên túc, đúng mực, tự tin khi thuyết trình.  - Có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ cho phù hợp với bài nói.  - Chú ý quan sát người nghe để kịp thời điều chỉnh ngôn ngữ, giọng nói, cử chỉ, điệu bộ,… cho phù hợp.  - Đảm bảo bám sát dàn ý đã chuẩn bị trước, tránh lan man, xa đề.  - Đảm bảo hình thức và thời gian trình bày như đã dự kiến từ trước | Tập trung lắng nghe, góp ý cho bạn dựa trên các tiêu chí:  -Bài nói đã đảm bảo yêu cầu bàn luận, đánh giá về so sánh nghệ thuật trần thuật của các tác giả qua hai đoạn trích “Nhật kí Đặng Thùy Trâm” (Đặng Thùy Trâm) và “Một lít nước mắt” (Ki-tô A-ya) hay chưa?  - Ngôn ngữ, điệu bộ, cử chỉ,… có phù hợp với mục đích nói và người nghe hay không?  - Bài nói có truyền được cảm hứng cho mình hay không? | |

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE**

**a. Mục tiêu:** Học sinh tự tin trình bày được bài thuyết trình về vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học của mình trước thầy cô và bạn bè trong lớp

**b. Sản phẩm:** Bài nói của học sinh

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| 1. **Hoạt động thực hành**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV quy định: thời gian tối đa cho mỗi phần thuyết trình là 05 phút.  **-** GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt phần thuyết trình của các HS.  - MC sẽ dùng Vòng quay Wheel of names để chọn ra những HS thuyết trình trong tiết học**.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - MC dẫn dắt phần thuyết trình của các HS.  - Các HS khác lắng nghe, hoàn thiện Phiếu ghi chép (Phụ lục 1)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  - Yêu cầu 1-2 học sinh lên trình bày bài nói của mình trước thầy cô, bạn bè.  - Các học sinh còn lại được chia thành 4 nhóm để nhận xét, đánh giá chéo vào phiếu chấm:  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Học sinh hoàn thành các nhiệm vụ học tập theo định hướng của giáo viên:  - Lưu ý về cách đánh giá: Từng học sinh đánh giá vào phiếu cá nhân, sau đó thống nhất trong phiếu đánh giá của từng nhóm. Các nhóm lên bảng dán kết quả đánh giá, so sánh sự đánh giá giữa các nhóm với nhau.  - Phiếu đánh giá dựa trên 03 tiêu chí, với 3 mức: tốt, khá, đạt.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Các nhóm cử đại diện lên nhận xét, đánh giá những ưu điểm và hạn chế cũng như cho điểm cho bài thuyết trình của bạn.  - Người thuyết trình tự đánh giá về những ưu điểm, hạn chế trong bài nói của mình cũng như những kinh nghiệm mà mình rút ra được để có một bài nói thành công sau khi nhận được sự đóng góp ý kiến, nhận xét của thầy cô, bạn bè.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  Giáo viên kết luận về những điểm cần lưu ý để hoàn thiện bài nói:  - Cần có sự chuẩn bị kĩ càng trước khi nói: chuẩn bị về nội dung, các thiết bị bổ trợ; hình dung sẵn về giọng điệu, cử chỉ,…  - Có sự tự tin, đĩnh đạc khi thuyết trình.  - Tôn trọng, lắng nghe ý kiến đóng góp của người nghe,….  **2. Hướng dẫn chỉnh sửa nói – nghe** | **1. Thực hành**  Bài nói của học sinh  Thực hành nói và nghe cần đảm bảo các yêu cầu:   |  |  | | --- | --- | | Người nói | Người nghe | | -Nội dung trình bày:  + Rõ ràng, cụ thể, phong phú, có trọng tâm, logic, có dẫn chứng thuyết phục  + Đảm bảo sự phù hợp, thống nhất giữa nội dung và hình thức trình bày  + Nội dung giải đáp thắc mắc ngắn gọn, thỏa đáng  -Hình thức trình bày:  + Bài trình bày có bố cục rõ ràng  + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ phù hợp  + Có sự sáng tạo, tạo được điểm nhấn cho nội dung trình bày  -Tác phong, thái độ trình bày:  + Phong thái tự tin, tôn trọng người nghe, sử dụng ngôn ngữ cơ thể sinh động, phù hợp  + Diễn đạt hấp dẫn và tạo vấn đề trao đổi, thảo luận.  + Tốc độ nói vừa phải, có nhấn giọng ở những nội dung quan trọng, bảo đảm yêu cầu về thời gian  + Có thái độ thân thiện, tôn trọng, trả lời câu hỏi đặt ra của người nghe. | -Tập trung lắng nghe, nắm được những nội dung chính của bài nói  -Ghi lại các thông tin chính của bài trình bày, những nội dung cần hỏi lại, những nhận xét, đánh giá về nội dung, cách thức, tình cảm và thái độ của người trình bày  -Nêu các vấn đề cần hỏi, các ý kiến trao đổi một cách ngắn gọn, rõ ràng.  -Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe, khích lệ người nói |  1. **Chỉnh sửa nói – nghe**  |  |  | | --- | --- | | **Người nói** | **Người nghe** | | **-**Lắng nghe nhận xét của các bạn và thầy cô giáo về bài trình bày.  -Rút kinh nghiệm về việc lựa chọn vấn đề, nội dung, cách thức và thái độ trình bày.  - Tự đánh giá:  - Điều em hài lòng về bài trình bày của mình là gì  - Điều gì em muốn thay đổi trong bài trình bày đó | - Kiểm tra việc nghe và việc ghi chép các nội dung thông tin đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì  -Nêu nhận xét về nội dung và hình thức bài trình bày  - Đánh giá:  + Bài trình bày của bạn có ưu điểm và hạn chế nào rõ nhất  + Em học được gì từ bài trình bày của bạn | |  |  | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

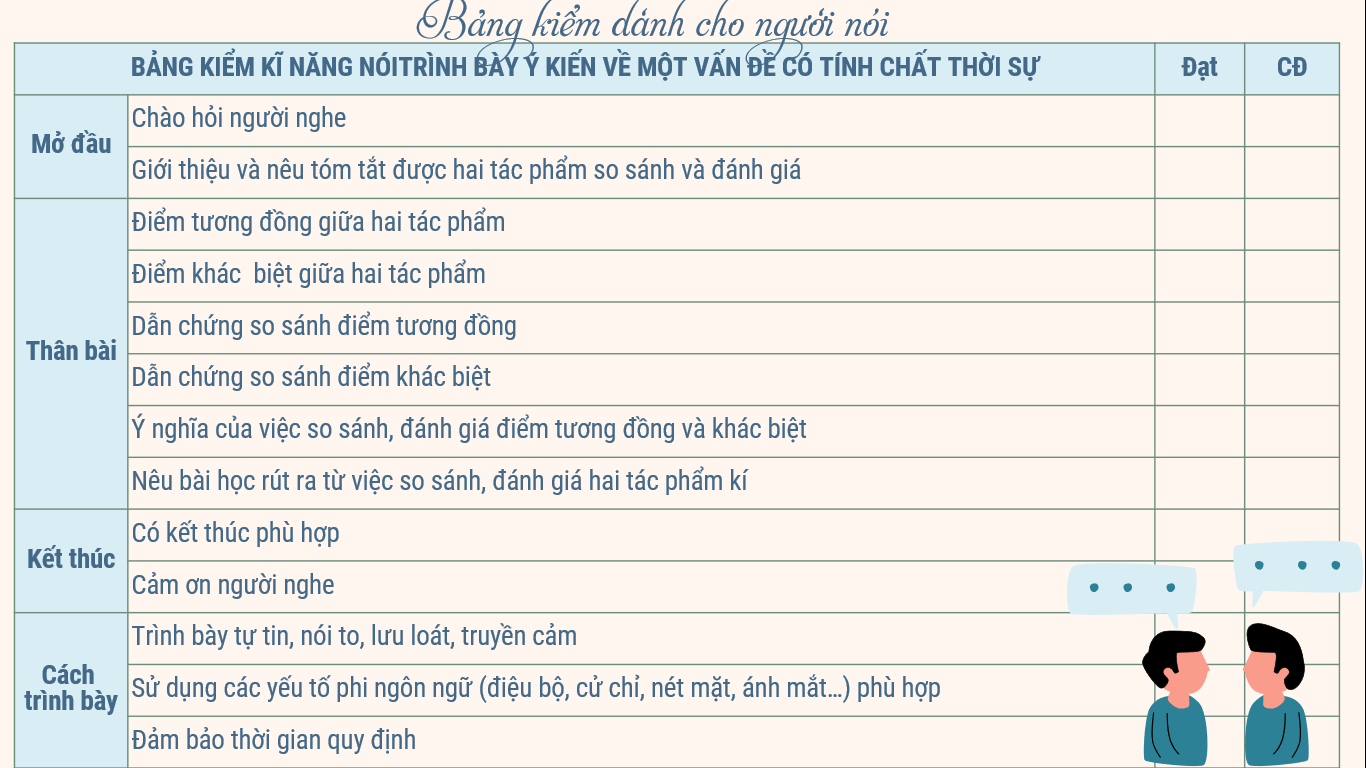
**a. Mục tiêu:** Học sinh bàn luận, mở rộng vấn đề được gợi ra trong bài nói

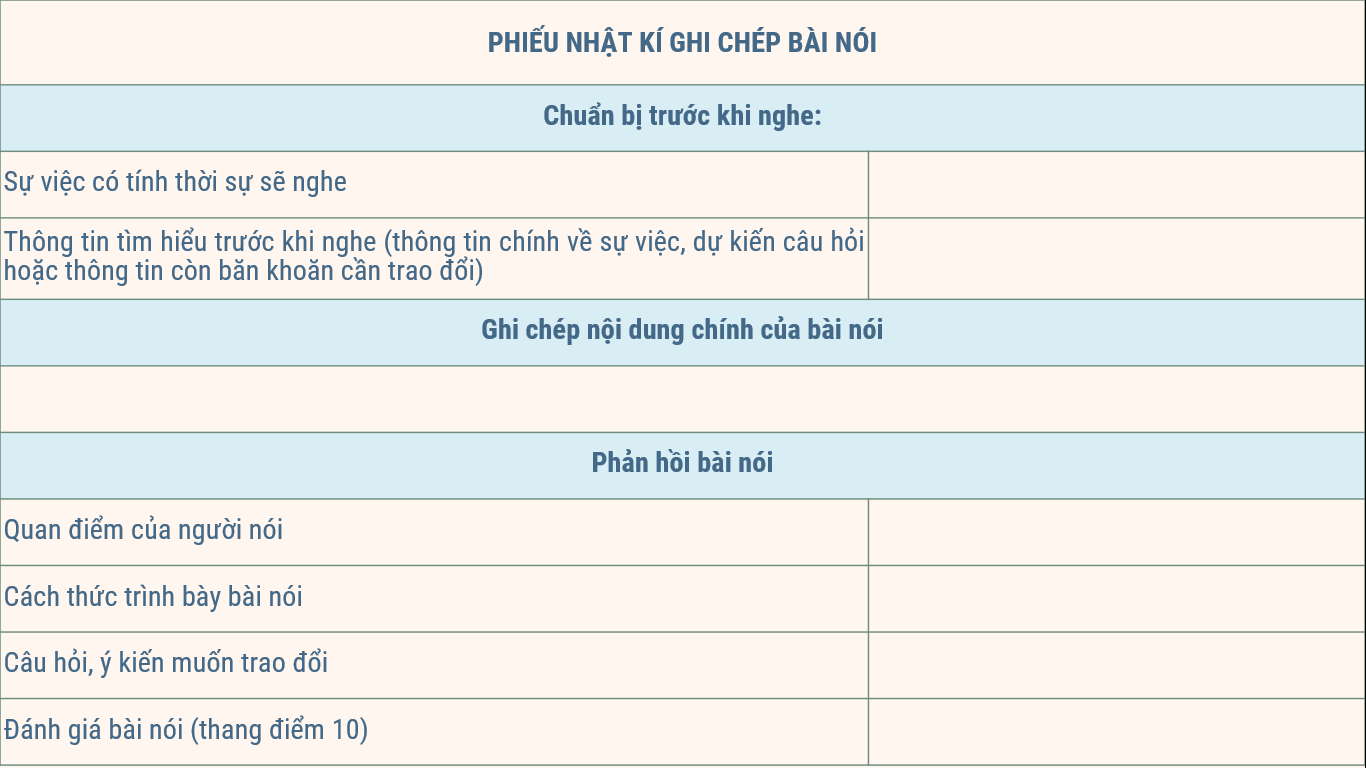
**b. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  Từ nội dung bài nói mà các em vừa trình bày ở trên, các em rút ra được những thông điệp quý giá gì cho bản thân trong cuộc sống?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và chuẩn bị trình bày thông điệp của bản thân.  Gọi 1 -2 học sinh lên chia sẻ suy nghĩ của mình.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  Gọi 1 -2 học sinh lên chia sẻ suy nghĩ của mình.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV kết luận, chốt lại vấn đề | Học sinh có thể trình bày theo hướng:  - Chúng ta cần có lòng yêu nước.  - Chúng ta cần có nghị lực vươn lên trong cuộc sống. |

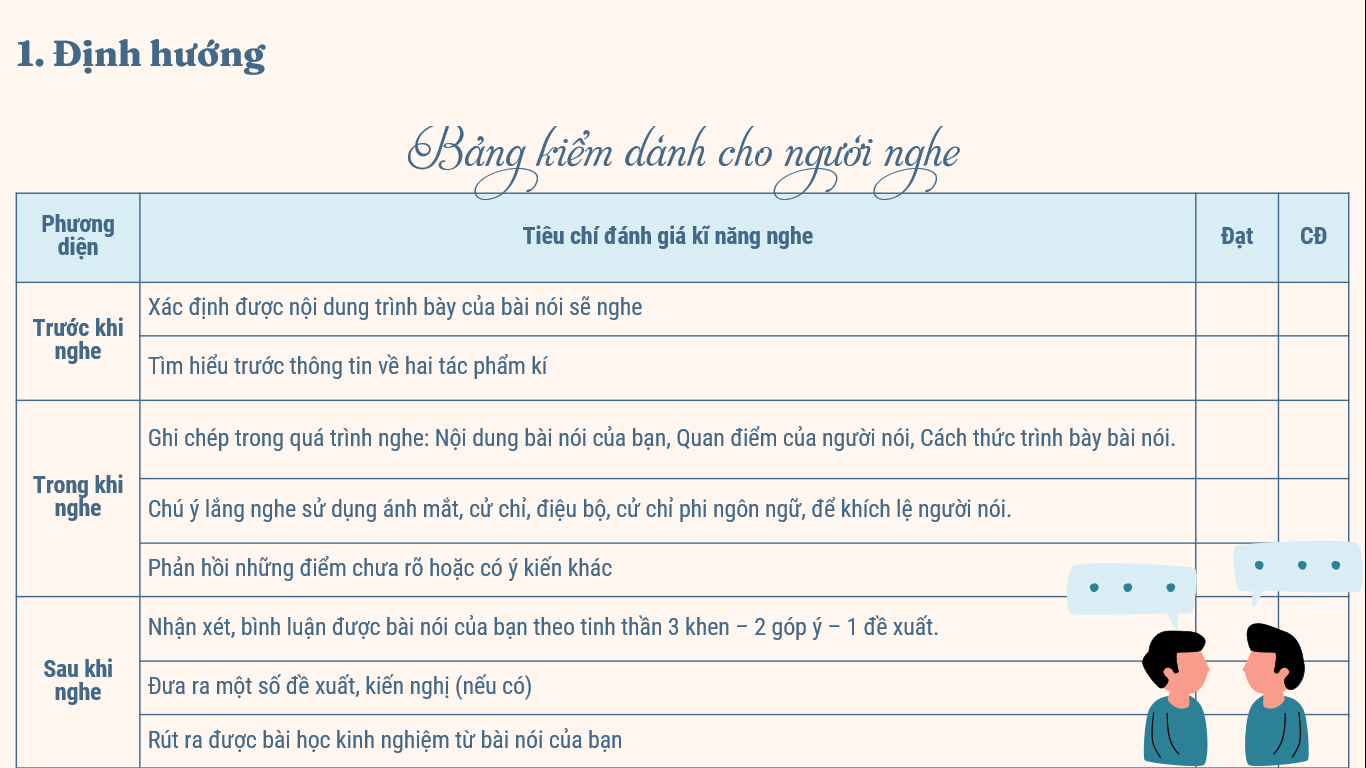
**Phụ lục 1**

**Phụ lục 2**



**Phụ lục 3**

**Phụ lục 4**



**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**4. Củng cố:**

HS nắm vững cách làm bài và thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí

**5. HDVN:**

- Tìm đọc thêm một số tác phẩm kí .

- Chuẩn bị bài Tự đánh giá ở tiết học sau.